

Quý đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quý được thành lập theo Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quý và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quý.

Giá trị chứng chỉ Quý, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quý này không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần cân nhắc kỹ về các rủi ro và mức độ rủi ro trước khi quyết định đầu tư vào Quý.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂNG ĐỘNG DC (DCDS) - QUỸ DCDS -

(Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng số 05/GCN-UBCK

do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/10/2013)

Bản cáo bạch này được cập nhật và có hiệu lực kể từ ngày 25/07/2022

Bản cáo bạch này được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)

- Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84.28) 3825 1488 Fax: (84.28) 3825 1489

Email: cskh@dragoncapital.com

Website: www.dragoncapital.com.vndragoncapital.com.vndragoncapital.com.vn

- Chi nhánh Hà Nội:

- Tầng 24, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84.24) 3942 8168 Fax: (84.24) 3942 8169

- Bản cáo bạch này được cung cấp tại địa điểm đăng ký của các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ DCDS theo danh sách trong Phụ lục I của Bản Cáo Bạch này

- Bản cáo bạch có thể được cập nhật ít nhất sáu (06) tháng một (01) lần.

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH – Giám đốc điều hành nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

Địa chỉ: Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capial Việt Nam (DCVFM)

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại : (84.28) 3825 1488 Fax: (84.28) 3825 1489

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Đây là những thông tin quan trọng dành cho nhà đầu tư trước khi thực hiện việc đăng ký mua chứng chỉ Quỹ Quý đầu Đầu tư Chứng Khoán Năng động DC (DCDS) - sau đây gọi tắt là Quỹ DCDS. Nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ DCDS được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những người khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty quản lý quỹ hay người đại diện của Quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và những văn bản đính kèm. Chứng chỉ Quỹ DCDS được phát hành dựa trên những thông tin và cam kết được công bố trong Bản cáo bạch và thông tin tài chính đi kèm. Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng chỉ Quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự ám chỉ nào về việc không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ kể từ ngày ban hành Bản cáo bạch này.

Bản cáo bạch này không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phê chuẩn hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ người nào không được phép theo quy định pháp luật của nước đó. Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối chứng chỉ quỹ ở một số quốc gia có thể bị giới hạn bởi luật pháp nước đó. Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nói trên cùng với các quy định luật pháp về quản lý ngoại hối, thuế quan hiện hành tại nước nơi họ cư trú, thường trú hoặc tạm trú.

Nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm về vấn đề thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ và biện pháp kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua, bán và nắm giữ chứng chỉ Quỹ sẽ bị điều chỉnh bởi pháp luật của nước mình như thế nào.

Nhà đầu tư nên hiểu và đồng ý rằng giá trị chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quỹ, giá trị thu hồi của các chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ có thể thấp hơn giá trị ban đầu.

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, kết quả hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động trong tương lai của Công ty cũng sẽ như vậy.

Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản cáo bạch này, Điều lệ Quỹ và các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ DCDS do Công ty quản lý quỹ và các đại lý phân phối được Công ty quản lý quỹ chỉ định, được nêu trong Bản cáo bạch này trước khi đầu tư vào Quỹ.

Đặc biệt, giá trị chứng chỉ Quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quỹ DCDS không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư, nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào chứng chỉ Quỹ được nêu trong Bản cáo bạch này.

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHIU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BÀN CÁO BẠCH.....	5
II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA	5
III. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ	9
1. Kinh tế vĩ mô:.....	9
2. Cơ hội đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam.....	13
IV. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ DCDS	17
1. Thông tin chung về Quỹ DCDS.....	17
2. Tình hình hoạt động của Quỹ DCDS	18
3. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ	18
4. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	22
V. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	24
1. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.....	24
2. Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ	25
3. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ	26
4. Thực hiện giao dịch mua chứng chỉ quỹ	26
5. Thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ	27
6. Thực hiện giao dịch chuyển đổi các chứng chỉ quỹ mở.....	28
7. Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.....	28
8. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...).....	29
9. Người được uỷ quyền từ nhà đầu tư	30
10. Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ DCDS	30
11. Các trường hợp giao dịch không hợp lệ	30
12. Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ iSAVING	31
VI. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN KHÁC	33
1. Thông tin chung về Công ty quản lý quỹ DCVFM.....	33
2. Ngân Hàng Giám Sát	35
3. Công ty Kiểm Toán	35
4. Tổ chức được uỷ quyền.....	35
VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	35
VIII. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)	35
1. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	35
2. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng	36
IX. GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	41
1. Các loại phí, giá dịch vụ do nhà đầu tư trả	41
2. Các loại phí, giá dịch vụ do Quỹ trả	41
3. Các chỉ tiêu hoạt động.....	44

X. DỰ BÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ.....	45
1. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ	45
2. Phân phối lợi nhuận.....	45
XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	45
XII. CĂN CỨ PHÁP LÝ	45
XIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	46
XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ	46
XV. CAM KẾT.....	47
XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	47
PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂNG ĐỘNG DC (DCDS)	48

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009.

Giấy phép sửa đổi số: 88/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/12/2020

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại: 028 38251488

Fax: 028 38251489

Ông DOMINIC SCRIVEN

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông BEAT SCHURCH

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

Đại diện theo pháp luật: Bà: Michele Wee Sung San

Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán của Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM). Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ DCDS xác nhận các thông tin có liên quan đến ngân hàng giám sát trong bản cáo bạch này và sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ giữa chúng tôi với Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM), là công ty quản lý quỹ của Quỹ DCDS và theo quy định pháp luật.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ viết tắt dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

“Quỹ đầu tư Chứng Khoán Năng Động DCDS”

Là Quỹ Đầu tư Chứng khoán Năng động DC (Sau đây gọi tắt là Quỹ DCDS) là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được chuyển đổi từ Quỹ DCDS dạng đóng, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.

“Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)”

Nghĩa là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ DCVFM), được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, của UBCKNN, Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ DCVFM là công ty thực hiện huy động vốn và quản lý Quỹ DCDS.

“Đại lý phân phối”

Là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với công ty quản lý quỹ

"Ngân hàng giám sát và lưu ký"	<p>Là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam), là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ.</p>
"Công ty kiểm toán"	<p>(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán) Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ DCDS, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ DCDS và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định hàng năm.</p>
"Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM"	<p>(Sau đây gọi tắt là HOSE) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>
"Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội"	<p>(Sau đây gọi tắt là HNX) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>
"Bản cáo bạch"	<p>Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ và các tổ chức có liên quan của Quỹ.</p>
"Điều lệ Quỹ"	<p>Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ DCDS được nhà đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.</p>
"Hợp đồng giám sát"	<p>Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ DCVFM và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ DCDS.</p>
"Nhà đầu tư"	<p>Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ DCDS.</p>
"Đại hội Nhà đầu tư"	<p>Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ DCDS. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ DCDS.</p>
"Ban đại diện Quỹ"	<p>Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ DCDS, Công ty quản lý quỹ DCVFM và ngân hàng giám sát.</p>
"Vốn điều lệ"	<p>Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ.</p>
"Đơn vị quỹ"	<p>Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau với mệnh giá của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.</p>

“Chứng chỉ Quỹ DCDS”	(Sau đây gọi là chứng chỉ quỹ) là chứng khoán do Công ty quản lý quỹ DCVFM đại diện cho Quỹ DCDS phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ DCDS theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của nhà đầu tư đó đang sở hữu.
“Chứng chỉ quỹ lẻ”	Là chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản có số lượng nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản. Chứng chỉ quỹ này phát sinh từ trường hợp lệnh Bán/chuyển đổi chỉ được thực hiện mua lại một phần theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ Quỹ. Giao dịch chứng chỉ quỹ lẻ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/ Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Bản cáo bạch này.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ.
“Giá dịch vụ phát hành”	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ. Phí này được thu khi nhà đầu tư thực hiện giao dịch mua và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ DCDS.
“Giá dịch vụ mua lại”	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Chương IX, mục 2.1 của Bản cáo bạch.
“Giá dịch vụ phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi chuyển đổi”	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ từ Quỹ tại những kỳ giao dịch sau khi Quỹ được chuyển đổi thành quỹ mở. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) Chứng chỉ Quỹ DCDS.
Năm tài chính	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. năm tài chính đầu tiên của Quỹ DCDS sẽ được tính từ ngày Quỹ DCDS được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của quỹ”	(Sau đây gọi tắt là NAV) Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ DCDS sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ DCDS tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ DCVFM xác định giá trị tài sản ròng trên của Quỹ.
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ DCVFM, thay mặt quỹ, thực hiện các lệnh/yêu cầu mua lại chứng chỉ quỹ, phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư, thông qua đại lý phân phối, trước thời điểm đóng sổ lệnh.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h30 phút ngày T-1, trong đó ngày T là ngày định giá và ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

Trong trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày ngày nghỉ Lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các dịp Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.

"Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư"

Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

"Dịch vụ đại lý chuyển nhượng"

Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:

- Lập và quản lý Sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, tài khoản ký danh của đại lý phân phối và các tiểu khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ chính;
- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;
- Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch, báo cáo hoạt động quỹ và các tài liệu khác cho nhà đầu tư;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.

"Người có liên quan"

Theo khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021.

"Các định nghĩa khác"

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Kinh tế vĩ mô:

Kinh tế vĩ mô Việt Nam đã có sự ổn định rõ rệt trong giai đoạn 2016-2018 và được dự báo sẽ tiếp tục ổn định. Kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng bên cạnh việc gia tăng nội lực để đối phó với các tác động không tích cực từ bên ngoài. Việt Nam cũng là nước nhận được các lợi ích từ chiến tranh thương mại Mỹ - Hoa Kỳ. Việt Nam đang có các dự địa về chính sách và nguồn lực để đối phó với chu kỳ suy yếu tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong giai đoạn tới.

1.1. Kinh tế vĩ mô ổn định

GDP duy trì tốc độ tăng trưởng sau giai đoạn hồi phục

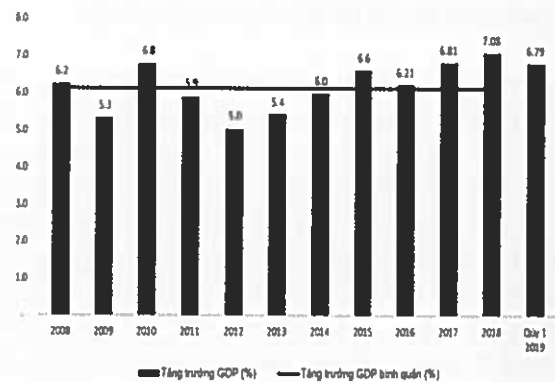
Sau giai đoạn suy thoái 2011-2014 với tốc độ tăng trưởng GDP giảm xuống dưới 6%, tăng trưởng GDP Việt Nam đã có sự phục hồi và tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 2016-2019. Bên cạnh đó hiệu quả hoạt động của nền kinh tế cũng được cải thiện rõ rệt khi lượng vốn được sử dụng để tạo ra sự tăng trưởng giảm. Việt Nam đang kỳ vọng duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn 2019-2021 trong bối cảnh thương mại và kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại do chu kỳ kinh tế và các căng thẳng thương mại giữa các khu vực kinh tế lớn gia tăng. Mục tiêu tăng trưởng GDP cho năm 2019 được Chính phủ đặt ra là 6,8%, Quý 1 2019 GDP Việt Nam tăng 6,79%. Dự báo tăng trưởng GDP cho năm 2020 và 2021 là 6,7 và 6,7%.

Hoạt động sản xuất liên tục duy trì mở rộng

Hoạt động sản xuất đã liên tục được mở rộng kể từ tháng 1 năm 2016. Hoạt động sản xuất của Việt Nam được duy trì mở rộng trong hoàn cảnh các nền kinh tế lân cận, đặc biệt là Trung Quốc, có sự thu hẹp sản xuất. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam có động lực tăng trưởng chính trong giai đoạn hiện tại và trung hạn là hoạt động sản xuất công nghiệp và xây dựng. Ngành chế biến chế tạo công nghiệp là ngành nhận được đầu tư nước ngoài lớn nhất (73,5% tổng vốn đầu tư nước ngoài trong 5 tháng đầu năm 2019 và 50,5% trong năm 2018) và là ngành có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ (11,6% so với cùng kỳ năm trước trong 5 tháng 2019 và 12,98% cho năm 2018). Việt Nam đã trở thành cứ điểm sản xuất của các hạng điện tử lớn và hoạt động sản xuất sẽ tiếp tục mở rộng trong giai đoạn tới do tác động của dòng vốn FDI và hoạt động dịch chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc.

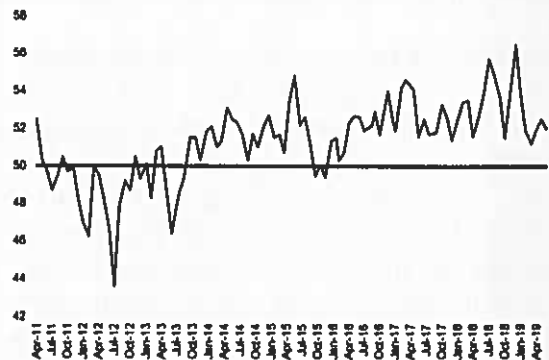
Áp dụng tỷ giá trung tâm và tỷ giá ổn định

Tăng trưởng GDP 2008-2018 & Quý 1 2019 (%)



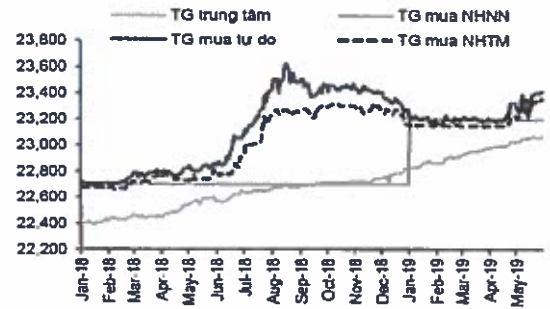
Nguồn: Tổng Cục Thống Kế

Chỉ số Nhà quản lý mua hàng (Markit's PMI)



Nguồn: Markit

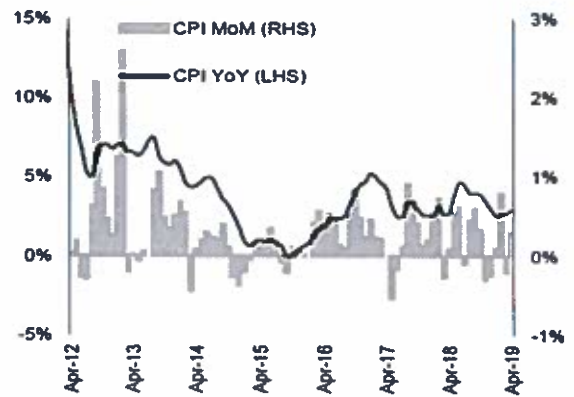
Tỷ giá VND-USD đã được kiểm soát với mức độ ổn định cao trong giai đoạn bắt đầu từ tháng 1 2018 khi SBV áp dụng chính sách tỷ giá trung tâm. Việc áp dụng chính sách tỷ giá trung tâm và các công cụ thị trường khác (mua bán kỳ hạn USD, duy trì chênh lệch lãi suất tiền gửi VND và USD...) và tác động tích cực từ dòng vốn vào Việt Nam (đến từ FDI, FII, bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp và kiều hối) đã cho phép SBV kiểm soát tỷ giá VND-USD và đối phó thành công với các áp lực lên tỷ giá VND khi thị trường thế giới biến động. Dự báo cho thấy năm 2019 đồng Việt Nam sẽ có thể mất giá 2%-3% so với USD. Sự ổn định tỷ giá sẽ được tiếp tục duy trì.



Nguồn: Reuter/DCVFM

Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp

Lạm phát được duy trì ổn định ở mức dưới 5% trong giai đoạn 2016-2019. Lạm phát các năm 2017 và 2018 duy trì ở mức 3,53% và 3,54%. Chính phủ đã chủ động điều chỉnh phù hợp về thời điểm đối với các đợt tăng giá dịch vụ y tế, học phí, giá điện... để đảm bảo kiểm soát lạm phát. Bên cạnh đó việc kiểm soát lạm phát cũng thuận lợi do giá nguyên vật liệu sản xuất thế giới trong giai đoạn có tốc độ tăng giá chậm. Lạm phát mục tiêu năm 2019 đã được Chính phủ đặt ra là dưới 4%. Trong trung hạn, các dự báo cho thấy lạm phát được duy trì ở mức dưới 5%, đây cũng là tỉ lệ lạm phát phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam và không gây nên các xáo trộn xã hội. Kiểm soát lạm phát là mục tiêu quan trọng hàng đầu đối với chính sách tiền tệ Việt Nam.

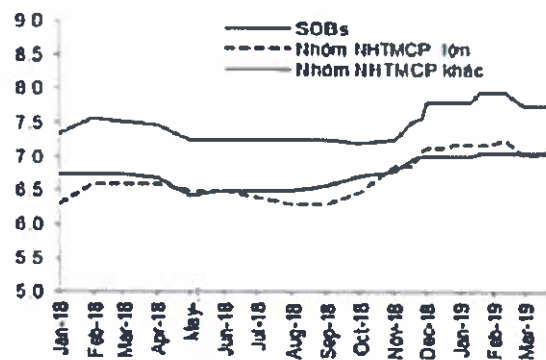


Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Lãi suất cho vay được duy trì ổn định ở mức hợp lý

Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã có sự suy giảm mạnh mẽ trong giai đoạn 2011-2019 và được duy trì ổn định trong giai đoạn 2016-2019. Trong giai đoạn trên, lãi suất cho vay bình quân các kỳ hạn biến động trong mức 9% - 9,5%. Mặt bằng lãi suất được duy trì và ít có biến động bất thường là kết quả của việc kiểm soát tốt thanh khoản của thị trường liên ngân hàng. Trong cùng giai đoạn từ 2012-2019, lợi suất trái phiếu chính phủ các kỳ hạn cũng đã có sự điều chỉnh giảm mạnh và chính phủ đã phát hành được các trái phiếu có kỳ hạn lên tới 20 và 30 năm. Việc phát hành thành công các trái phiếu kỳ hạn dài đã thể hiện sự tin tưởng của thị trường đối với ổn định kinh tế vĩ mô và điều hành của Chính phủ.

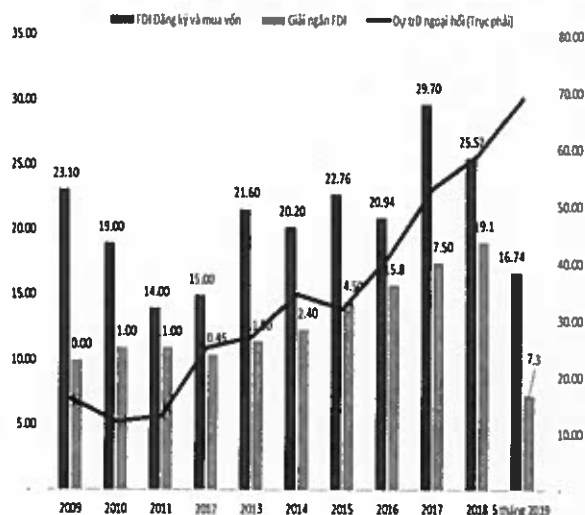
Biến động lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng



Nguồn: SSI

Dự trữ ngoại hối gia tăng cùng với sự gia tăng của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

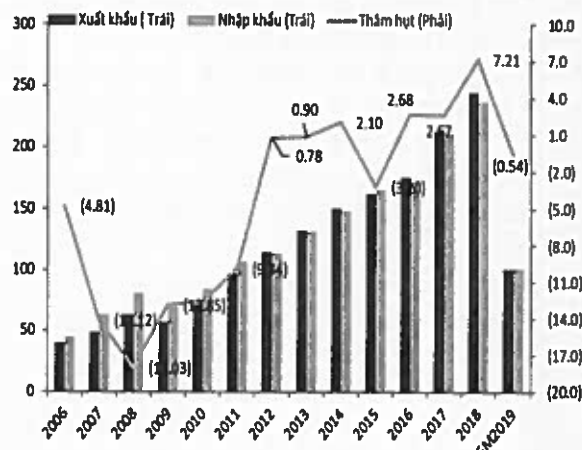
Việt Nam đang là điểm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khi các doanh nghiệp gia tăng hoạt động sản xuất tại Việt Nam. Xu hướng này đã bắt đầu từ 2017 và đang phát triển mạnh trong năm 2019 do tác động của chiến tranh thương mại. Dòng vốn FII và FII là hai trong các yếu tố chính tạo nên sự ổn định kinh tế vĩ mô Việt Nam trong giai đoạn từ đầu năm 2018. Trong giai đoạn Việt Nam đang thay đổi mô hình tăng trưởng, dòng vốn FDI và hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là cấu phần quan trọng duy trì sự tăng trưởng của nền kinh tế. Dòng vốn FDI cũng đã tạo điều kiện cho SBV duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt đối phó các biến động của kinh tế thế giới và gia tăng dự trữ ngoại hối của Việt Nam lên mức 69 tỷ USD trong tháng 5 2019 (tương đương 3,5 tháng nhập khẩu, cao nhất từ trước tới nay).



Nguồn: Tổng cục thống kê/DCVFM

Xuất khẩu và cán cân thương mại tích cực

Xuất khẩu được duy trì là một điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam khi liên tục có tốc độ tăng trưởng cao (bình quân 13,4%/năm cho giai đoạn 2013-2018) và có tăng trưởng ở mức 21% trong năm 2017. Tăng trưởng xuất khẩu đã dẫn tới việc Việt Nam có thặng dư thương mại trong giai đoạn 2016-2018 (năm 2018 xuất siêu 7,21 tỷ USD). Việt Nam tiếp tục có cơ hội tăng trưởng xuất khẩu trong bối cảnh Việt Nam đang trở thành điểm tiếp nhận sản xuất khi các doanh nghiệp chuyển hoạt động sản xuất ra khỏi Trung Quốc do tác động của chiến tranh thương mại. Dự báo xuất khẩu Việt Nam tăng trưởng 12% trong năm 2019.



Nguồn: Tổng Cục Thống Kế

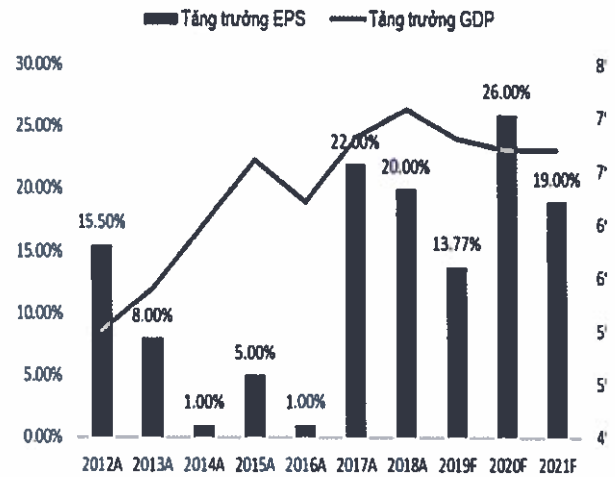
Việt Nam đang nhận được các tác động tích cực từ chiến tranh thương mại khi các hoạt động sản xuất và xuất khẩu gia tăng. Đây là hai động lực chính cho tăng trưởng GDP của Việt Nam.

Kinh tế vĩ mô ổn định hỗ trợ tăng trưởng của thị trường chứng khoán

Số liệu cho thấy ổn định kinh tế vĩ mô và tốc độ tăng trưởng GDP có tác động rõ rệt tới kết quả hoạt động của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các dự báo cho thấy Việt Nam có khả năng duy trì tốc độ tăng trưởng GDP trên 6,5%/năm trong giai đoạn 2019-2021 đồng thời khảo sát cũng cho thấy tốc độ tăng trưởng thu nhập trên mỗi cổ phần cho toàn thị trường (dựa trên số liệu của 500 công ty niêm yết trên sàn chứng khoán) duy trì ở mức trên 13% cho giai đoạn nêu trên và có xu hướng gia tăng tốc độ tăng trưởng. Với các diễn biến hiện tại, thị trường chứng khoán Việt Nam đang được hưởng lợi từ các dòng tiền đầu tư và vị trí đặc biệt của Việt Nam trong các biến động phát sinh từ chiến tranh thương mại Mỹ-Trung Quốc. Các dự báo cho thấy kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục ổn định và thị trường cổ phiếu nhận được lợi ích từ sự ổn định kinh tế vĩ mô dưới nhiều

Tăng trưởng thu nhập trên cổ phần của 500 công ty niêm yết trên TTCK Việt Nam và tăng trưởng GDP qua các năm

góc độ, bao gồm kết quả hoạt động tốt của các doanh nghiệp.



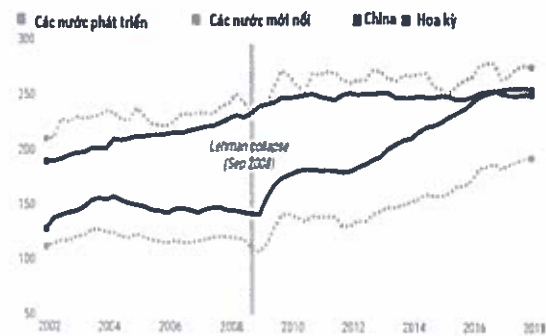
Nguồn: AlphaChart/DCVFM

1.2. Dự địa chính sách đối phó giai đoạn kinh tế thế giới suy yếu

Chu kỳ kinh tế Mỹ, sự suy yếu kinh tế thế giới và rủi ro từ gia tăng vay nợ

Trong tháng 6 năm 2019, các dự báo cho thấy kinh tế Mỹ sẽ đi vào chu kỳ suy giảm tăng trưởng trong 6 tới 18 tháng kể từ thời điểm dự báo. Bên cạnh đó các nền kinh tế đang phải đối mặt với rủi ro do dự nợ của các nền kinh tế tăng mạnh do tác động của chính sách nới lỏng tiền tệ sau giai đoạn khủng hoảng 2008. Mặt khác để hỗ trợ phục hồi và tăng trưởng kinh tế, các ngân hàng trung ương tại các nền kinh tế lớn đã duy trì mức lãi suất thấp trong khoảng thời gian dài. Các yếu tố trên dẫn tới rủi ro là các nền kinh tế lớn không có nhiều dự địa chính sách để đối phó khi nền kinh tế thế giới bước vào giai đoạn suy giảm tốc độ tăng trưởng. Dự báo do Ngân hàng Thế giới công bố ngày 6/4/2019 cho thấy tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ ở mức 2,6% trong năm 2019 (giảm 0,3% so với dự báo công bố tháng 1 2019) so với mức tăng trưởng 3% trong năm 2018.

Dự nợ tăng mạnh sau khủng hoảng 2008 (tỷ lệ nợ của chính phủ và tư nhân – Không bao gồm nợ của các tổ chức tài chính – tính trên GDP (%))

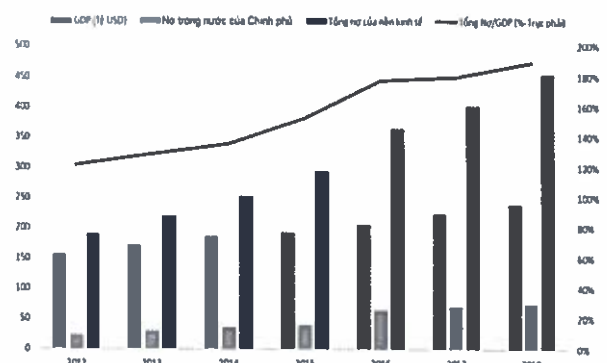


Nguồn: Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (IBS)

Việt Nam chủ động kiểm soát dự nợ

Việt Nam đã chủ động tiến hành các biện pháp kiểm soát nợ chính phủ và nợ tư nhân từ năm 2016. Nợ chính phủ đã được kiểm soát ở mức dưới 65% GDP (năm 2017 và 2018 tỷ lệ này là 61,2% và 61,3% GDP) Ngân hàng Nhà nước đã chủ động điều chỉnh tốc độ tăng trưởng tín dụng cho nền kinh tế (năm 2017 tín dụng tăng 17%, năm 2018 tăng 14% và năm 2019 dự báo tăng 12%-14%) bên cạnh giảm tốc độ tăng cung tiền cho nền kinh tế (tốc độ tăng trưởng M2 các năm 2016-2018 là 17,88%, 14,19% và 11,34%). Kết quả của việc kiểm soát nợ và tăng trưởng, ổn định kinh tế là việc Việt Nam được thay đổi định mức tín nhiệm với xu hướng tốt lên từ các

Dự nợ của Việt Nam (tỷ USD) và tỷ lệ dự nợ trên GDP (%)



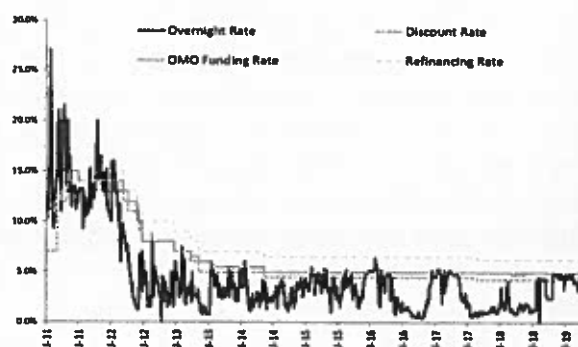
tổ chức xếp hạng tín nhiệm lớn trên thế giới trong năm 2018 và 2019.

Dự địa điều chỉnh sách lãi suất

Việt Nam đang có các yếu tố hỗ trợ tốt để đối phó với chu kỳ giảm tăng trưởng kinh tế sắp tới khi dự địa về điều chỉnh giảm lãi suất điều hành vẫn được hiện hữu khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam duy trì lãi suất không đổi (từ năm 2014) trong giai đoạn vừa qua. Với mặt bằng dư nợ không cao và khả năng điều chỉnh giảm lãi suất, Việt Nam sẽ chủ động hơn trong việc điều tiết chính sách tiền tệ và tài khóa khi cần hỗ trợ cho sự tăng trưởng của nền kinh tế. Đây sẽ là tiền đề cho sự ổn định và tăng trưởng của kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới, thị trường chứng khoán sẽ được hưởng lợi từ các yếu tố này.

Nguồn: Tổng cục Thống kê/VFM

Lãi suất duy trì ổn định



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước/DCVFM

2. Cơ hội đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức cao trong chu kỳ tăng trưởng, kinh tế vĩ mô ổn định, quy mô thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh mẽ, chương trình cổ phần hóa quyết liệt trong giai đoạn 2018-2020 và khả năng tăng hạng thị trường khi thị trường chứng khoán Việt Nam được đưa vào chỉ số MSCI và FTSE cho thị trường mới nổi là các điểm chính thu hút dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong giai đoạn sắp tới. Bên cạnh đó, tăng trưởng hoạt động của các công ty niêm yết và mức định giá hấp dẫn so với các thị trường khu vực là các điểm mạnh thị trường của Việt Nam. Với thị trường trái phiếu, Chính phủ đã đưa ra lộ trình để tăng quy mô thị trường trái phiếu chính phủ và xây dựng hạ tầng về pháp luật và giao dịch để phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Bên cạnh đó việc phát hành thường xuyên các công cụ tiền tệ ngắn hạn và xây dựng đường cong lãi suất kỳ hạn ngắn mở ra cơ hội đầu tư vào thị trường tiền tệ.

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Quy mô và thanh khoản thị trường cổ phiếu tăng trưởng mạnh

Dưới tác động của các chính sách bắt buộc giao dịch tập trung đối với cổ phiếu của các công ty đại chúng, số lượng các công ty niêm yết và quy mô thị trường đã tăng mạnh trong năm 2018 so với năm 2016-2017 (8 tháng năm 2018 tăng 80,5% so với năm 2016). Quy mô thị trường chứng khoán niêm yết sẽ tiếp tục tăng mạnh khi các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực viễn thông, bất động sản, khai khoáng tiếp tục được niêm yết trong năm 2018-2019. Bên cạnh quy mô thị trường, quy mô giao dịch thị trường cũng tăng mạnh trong giai đoạn 2011-2017 với giá trị giao dịch bình quân phiên trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM đạt 3,77 nghìn tỷ, tăng 5,9 lần so với năm 2011 và tăng 1,6 lần so với năm 2014. Quy mô và giá trị giao dịch bình quân trên thị trường chứng khoán Việt Nam đã đáp ứng được các tiêu chí của MSCI để đưa thị trường Việt Nam vào nhóm các thị trường mới nổi. Dự kiến việc Việt Nam vào nhóm thị trường mới nổi theo phân loại của MSCI sẽ diễn ra trong năm 2020.

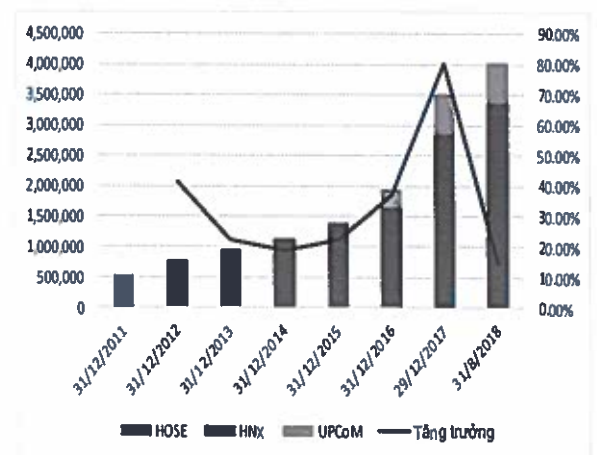
Thị trường cổ phiếu tăng trưởng tốt trong dài hạn

Tình hình kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng tốt, thể hiện trực tiếp qua kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp lớn. Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp đã có sự tăng trưởng tốt, đánh giá và phân tích, nhóm 50 công ty có giá trị vốn hóa lớn trên sàn niêm yết Việt Nam có khả năng tăng trưởng lợi nhuận trên một cổ phần trong năm 2018 là 9% (cao hơn so với tốc độ tăng trưởng năm 2017 và 20156 là 23,5% và 9,8%). Kinh tế vĩ mô ổn định là tăng trưởng kinh doanh là nền tảng cho sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán. Dựa trên chỉ số VN Index cho thấy người đầu tư dài hạn có thể thu được lợi nhuận bình quân 18,9%/năm nếu đầu tư theo rổ chứng khoán của chỉ số này và nắm giữ 5 năm từ năm 2013 tới năm 2017. Tương tự, nắm giữ cổ phiếu theo chỉ số VNIndex trong giai đoạn 18 năm tính từ thời điểm bắt đầu giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam (28/7/2008) tới 31/8/2018 sẽ có được lợi nhuận bình quân 13,5%/năm.

Tiềm năng tăng trưởng của thị trường cổ phiếu

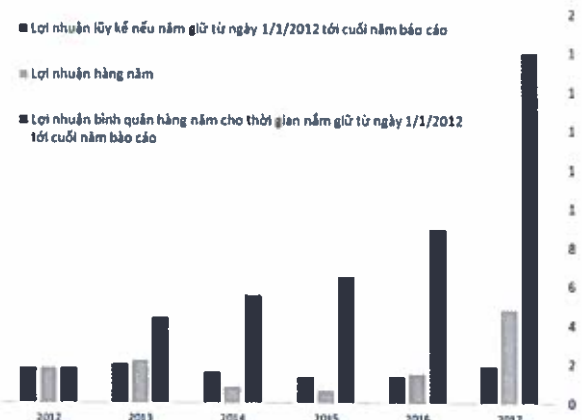
Thị trường cổ phiếu Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn phát triển ban đầu và có cơ hội tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 5 năm tới. Hiện tại các mục tiêu chính sách của Chính phủ là gia tăng vai trò của thị trường chứng khoán (trái phiếu và cổ phiếu) trong việc cung cấp vốn cho nền kinh tế, giảm sự phụ thuộc vào hệ thống ngân hàng. Các dự báo cho thấy tới năm 2023, quy mô thị trường cổ phiếu Việt Nam có thể tăng 100% về quy mô (đạt giá trị 173 tỷ USD) so với quy mô thị trường vào cuối năm 2017. Niêm yết các doanh nghiệp nhà nước và các công ty tư nhân lớn là động lực cho sự tăng trưởng quy mô thị trường và thanh khoản. Trong giai đoạn tới, việc sửa đổi Luật chứng khoán (dự kiến được Quốc hội thông qua trong năm

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU VÀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG 2011- tháng 8/2018 (VND Tỷ đồng)



Nguồn: HSX/HNX

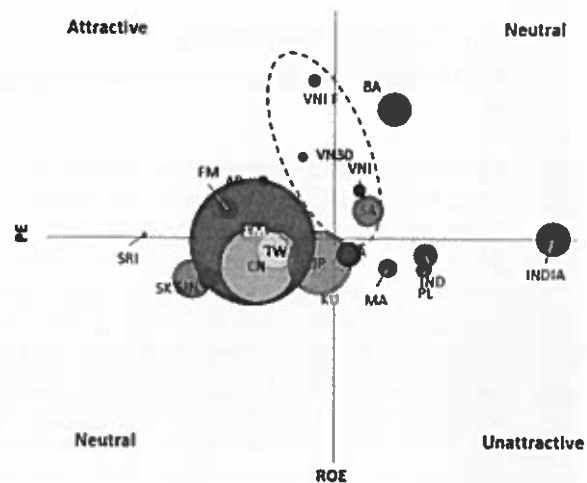
BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VNINDEX VÀ LỢI NHUẬN NĂM GIỮ BÌNH QUÂN HÀNG NĂM GIAI ĐOẠN 2012-2017 (%)



Nguồn: HSX/DCVFM

CHỈ SỐ P/E và ROE CỦA VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC

2019), quyết liệt bán vốn đi kèm với niềm yết các doanh nghiệp nhà nước, thay đổi tỷ lệ sở hữu của người đầu tư nước ngoài và cơ hội được đưa vào danh sách các nước trong nhóm thị trường mới nổi của MSCI là các động lực cho sự tăng trưởng của thị trường bên cạnh việc các doanh nghiệp có kết quả hoạt động khả quan.



Nguồn: DCVFM

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Thị trường trái phiếu trở nên quan trọng đối với nền kinh tế

Bộ Tài chính (MoF) và Kho bạc Nhà nước (VST) đã rất thành công trong việc huy động vốn trái phiếu Chính phủ (TPCP). Trong các năm 2013 tới nay, TPCP đã trở thành nguồn huy động quan trọng đối với ngân sách nhà nước với quy mô phát hành bình quân trên 200 nghìn tỷ/năm. Quy mô thị trường trái phiếu (tính theo giá trị các trái phiếu đang lưu hành) tại thời điểm tháng 8 2018 là 1,21 triệu tỷ đồng (bao gồm giá trị TPCP, TP chính phủ bảo lãnh, TP chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp). Quy mô thị trường trái phiếu năm 2018 đã tăng 4,25 lần so với năm 2011 tương ứng với tốc độ tăng bình quân 23%/năm trong giai đoạn nêu trên. Trong năm 2017, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã thành công trong việc phát hành và kéo dài kỳ hạn bình quân của trái phiếu phát hành (lên 12,74 năm từ mức 8,71 năm trong năm 2016), đồng thời kéo dài kỳ hạn còn lại bình quân của cả danh mục TPCP từ 5,98 năm lên 6,71 năm. Bên cạnh thị trường TPCP, thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đã hình thành từ năm 2012 và giao dịch tích cực hơn trong năm 2017-2018. Năm 2017, khối lượng TPDN phát hành là 115.416 tỷ VND.

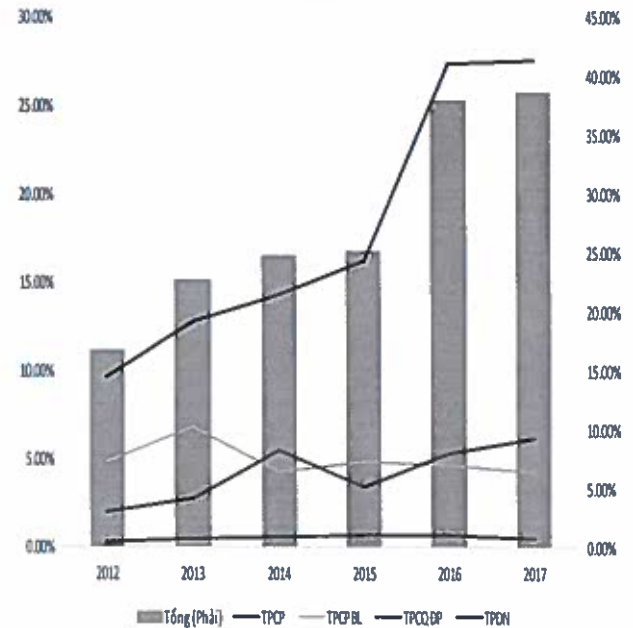
Giao dịch thứ cấp tăng trưởng mạnh

Thị trường giao dịch thứ cấp trái phiếu năm 2017 đánh dấu là một năm có sự tăng trưởng đột biến với tổng giá trị giao dịch tăng 32% so với giá trị giao dịch theo phiên năm 2016. Chỉ số vòng quay thanh khoản của thị trường (tổng giá trị giao dịch mua bán thực tế trong 12 tháng so với tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành trên thị trường) đã được cải thiện đáng kể từ mức 1,06 lần lên mức 1,15 lần. Bên cạnh việc gia tăng mạnh mẽ của giao dịch trực tiếp, giá trị các giao dịch bán và mua lại trái phiếu (REPO) cũng đã tăng 84% trong năm 2017 so với năm 2016, chiếm hơn 46,69% giá trị giao dịch toàn thị trường. Xét trong giai đoạn 2011-2017, giá trị thị trường trái phiếu đã tăng 4,176 lần và giá trị giao dịch bình quân phiên năm 2017 tăng 13,06 lần giá trị giao dịch năm 2011 (tương ứng với tốc độ tăng bình quân năm là 26,9% đối với quy mô giao dịch toàn thị trường và 53,45% đối với giá trị giao dịch bình quân phiên trong giai đoạn nêu trên).

Cơ cấu người đầu tư thay đổi tích cực

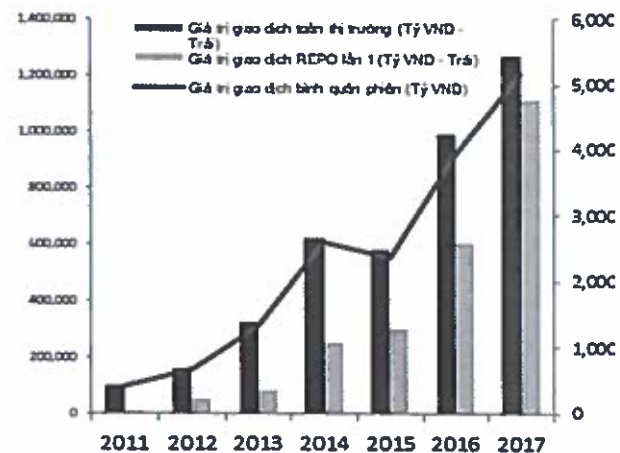
Cơ cấu người đầu tư có sự biến động mạnh trong năm 2017 so với các năm trước do Chính phủ đã thực hiện chuyển đổi khoản vay của Bảo hiểm xã hội thành trái phiếu Chính phủ. Các ngân hàng thương mại tiếp tục đóng vai trò chủ đạo khi đã mua 83,45% giá trị TPCP phát hành sơ cấp và giá trị giao dịch của các ngân hàng chiếm vẫn chiếm vai trò chủ đạo trên thị trường trái phiếu thứ cấp. Các công ty bảo hiểm có vị trí thứ 2 về giao dịch mua sơ cấp (13,15% giá trị phát hành) tập trung mạnh vào các kỳ hạn dài 20 năm và 30 năm. Các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư đã trở nên năng động hơn và nâng dần tỷ trọng giá trị giao dịch sơ cấp từ mức 0,5% lên 1,74% đối với công ty chứng khoán và từ mức 0,22% lên 0,29% đối với quỹ đầu tư trong năm 2017. Tỷ lệ sở hữu TPCP của nhóm bảo hiểm tăng từ 45% (31/12/2016) lên

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NĂM TÍNH THEO % GDP



Nguồn: HNX/DCVFM

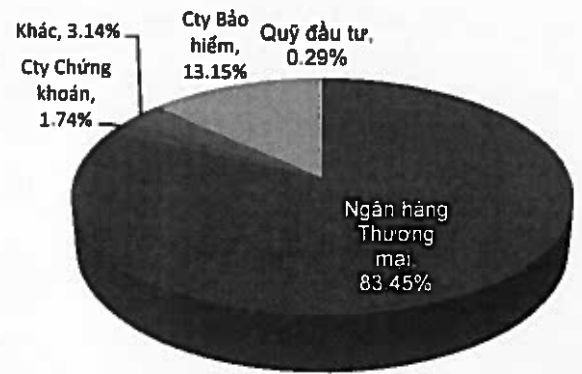
Giá trị giao dịch thứ cấp TPCP qua các năm (Tỷ VND)



Nguồn: HNX/DCVFM

Cơ cấu người đầu tư trên thị trường sơ cấp

52,40% vào 31/12/2017 nhờ sự gia tăng ấn tượng của thị trường bảo hiểm nhân thọ và lực mua ròng từ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tiền gửi.

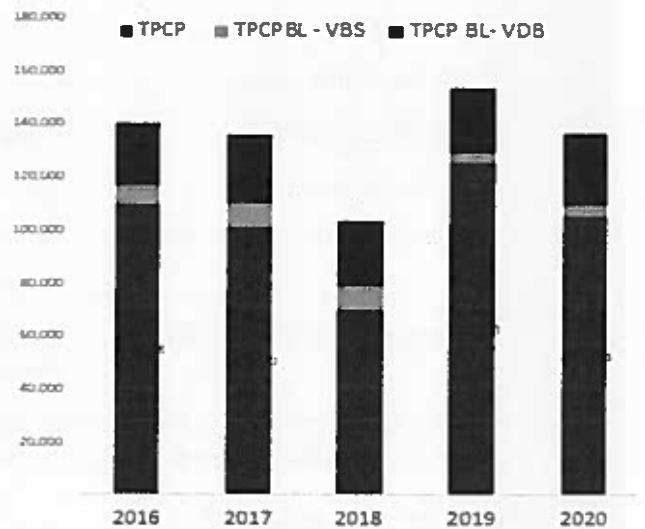


Triển vọng thị trường

Chính phủ đang tập chung cho sự phát triển của thị trường trái phiếu. Các sửa đổi hiện tại đang diễn ra chủ yếu đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp khi các hoạt động liên quan tới sửa đổi cơ sở pháp lý, xây dựng hệ thống thông tin tập trung, xây dựng hạ tầng giao dịch đang được thực hiện. Các dự báo cho thấy quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam có thể đạt mức 200 tỷ USD vào năm 2023 (tăng 3,88 lần so với quy mô tại năm 2018). Mức tăng trưởng quy mô thị trường này có thể đạt được khi sự phụ thuộc vào hệ thống ngân hàng để vay vốn của doanh nghiệp sẽ giảm đi và quy mô phát hành trái phiếu doanh nghiệp sẽ tăng lên mạnh mẽ theo định hướng gia tăng vai trò của thị trường vốn Việt Nam. Bên cạnh đó, cơ cấu nhà đầu tư thay đổi theo xu hướng ngày càng nhiều nhà đầu tư có tổ chức (bên cạnh việc đã có thể và bắt đầu tham gia của người đầu tư cá nhân vào thị trường) trên thị trường trái phiếu là dấu hiệu cho việc giao dịch sẽ ngày càng sôi động. Trong dài hạn, việc đường cong lãi suất ngắn hạn sẽ trở nên hợp lý hơn (so với các kỳ hạn dài) sẽ là động lực để thêm nhiều người đầu tư cá nhân tham gia vào thị trường trái phiếu thông qua các quỹ đầu tư.

Nguồn: HN

Giá trị trái phiếu đáo hạn 2016-2020 (Tỷ VND)



Nguồn: HNX/DCVF

IV. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ DCDS

1. Thông tin chung về Quỹ DCDS

- Tên Quỹ: QUỸ ĐẦU ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂNG ĐỘNG DC (DCDS)
- Tên tiếng Anh: DC Dynamic Securities Fund
- Tên viết tắt: Quỹ DCDS
- Hình thức của Quỹ: Quỹ đại chúng dạng mở
- Nhà đầu tư của Quỹ: Là nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước Việt Nam
- Thời hạn hoạt động của Quỹ: Không giới hạn
- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam Đồng
- Số tiền đăng ký mua tối thiểu: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng

- Mục tiêu/chiến lược đầu tư : Mục tiêu chính của Quỹ DCDS dạng mở là tối ưu hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro cho nhà đầu tư thông qua một danh mục đầu tư đa dạng hóa, bao gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ trên thị trường Việt Nam.
- Hình thức sở hữu : Bút toán ghi sổ hoặc lưu giữ điện tử
- Địa điểm phát hành: **Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)**
Tầng 15, Tòa nhà Mễ Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam.
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)
Phòng 903, tầng 9, tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

▪ Các đối tác có liên quan đến các đợt phát hành tiếp theo:

- Tổ chức phát hành : Quỹ đầu Đầu tư Chứng Khoán Năng động DC (DCDS)
- Đại diện phát hành : Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)
- Ngân hàng giám sát : Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
- Công ty kiểm toán dự kiến : Công ty Kiểm toán Ernst & Young hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty PriceWaterHouse Cooper (PwC)
- Hệ thống Đại lý phân phối : Chi tiết về địa chỉ và chi nhánh của các đại lý phân phối được nêu trong Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

Nhà đầu tư có thể mở nhiều tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại nhiều Đại lý Phân phối chỉ định khác nhau và chỉ được giao dịch theo số lượng chứng chỉ quỹ mở của tài khoản đó.

1.1 Giấy phép phát hành

Quỹ DCDS được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép chuyển đổi từ hình thức quỹ đóng sang quỹ mở theo giấy phép số 01/GCN-UBCK vào ngày 08/10/2013

1.2 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ không giới hạn về thời hạn hoạt động.

2. Tình hình hoạt động của Quỹ DCDS

Thông tin chi tiết về tình hình hoạt động của các quỹ và các báo cáo tài chính bán niên/hàng năm sau kiểm toán đều được cập nhật cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Dragon Capital Việt Nam.

3. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ

3.1 Mục tiêu đầu tư của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ DCDS tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập thông qua việc đầu tư vào danh mục đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ trên thị trường Việt Nam. Quỹ thực hiện chiến lược phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và chứng khoán nợ nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý thông qua đánh giá lợi nhuận và rủi ro của các cơ hội đầu tư vào các loại tài sản.

3.2 Chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ DCDS dạng mở là đầu tư năng động vào các loại chứng khoán vốn của các công ty hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trái phiếu chuyển đổi cùng với các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Theo phân loại trong danh mục này, trái phiếu chuyển đổi sẽ là một phần trong danh mục chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư bao gồm khoảng 20% giá trị tài sản ròng của quỹ vào chứng khoán nợ và tiền, và khoảng 80% vào chứng khoán vốn. Tuy nhiên tỷ lệ này là không cố định. Quỹ có thể linh hoạt thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản phù hợp với diễn biến thị trường và nền kinh tế nói chung nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi ích của nhà đầu tư. Quỹ kết hợp chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị nhằm tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào cổ phiếu các công ty có vốn hoá lớn và vừa, có tiềm năng tăng trưởng tốt.

3.3 Cơ cấu đầu tư của Quỹ

Quỹ DCDS sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương,
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- e) Cổ phiếu, chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sau:
 - Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ;

3.4 Lĩnh vực đầu tư

Với chiến lược đầu tư như đã đề cập ở trên, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian dựa theo tiềm năng tăng trưởng của cổ phiếu và tùy vào mức độ thanh khoản của các cổ phiếu trên thị trường.

Dưới đây là các nhóm ngành nghề đầu tư dự kiến của Quỹ đầu tư DCDS. Cơ cấu tỷ trọng theo ngành nghề thay đổi phụ thuộc vào thanh khoản của thị trường và tỷ trọng các khoản đầu tư không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại quy định về Hạn chế đầu tư. Các ngành nghề bao gồm:

- Thực phẩm - Nước giải khát
- Vật liệu - Khai khoáng
- Năng lượng
- Bán lẻ
- Ngân hàng - Dịch vụ tài chính
- Cơ sở hạ tầng - Bất động sản
- Hàng hóa công nghiệp

- Tiện ích công cộng
- Hàng tiêu dùng
- Bảo hiểm
- Dược phẩm
- Dệt may- Thiết bị phụ tùng
- Vận tải

3.5 Các hạn chế đầu tư của Quỹ

1. Danh mục đầu tư của Quỹ DCDS phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Chương IV – Mục 3.3 tại Bản cáo bạch.
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ DCDS bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:
 - a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b mục 3.3 Chương IV của Bản cáo bạch;
 - b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e, f mục 3.3 Chương IV của Bản cáo Bạch phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ; trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại khoản 3 mục c, nội dung 2, chương VIII của Bản Cáo Bạch.
 - c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b mục 3.3 Chương IV của Bản cáo Bạch của một tổ chức phát hành, , trừ công cụ nợ của Chính phủ
 - d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e mục 3.3 Chương IV của Bản cáo bạch;
 - f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ; trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và g -mục 3.3 Chương IV của Bản cáo Bạch (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;
 - g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
 - h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;
 - i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.
 - j) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - o Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - o Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - o Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
3. Cơ cấu đầu tư của quỹ mở chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d, e, f và j khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
 - c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
 - e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
4. Công ty quản lý có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và cơ cấu đầu tư của quỹ như sau:
- Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này.
 - Trường hợp sai lệch do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
 - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
5. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền gửi, và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b mục 3.3 Chương IV của Bản cáo bạch phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được ban đại diện Quỹ phê duyệt
6. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
- a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.
 - d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này..

3.6 Hạn chế vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

1. Công ty quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a -mục 3.3 Chương IV của Bản cáo Bạch.
2. Công ty quản lý quỹ DCVFM không được phép vay để đầu tư, ngoại trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, , không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày;
3. Công ty quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng tài sản của Quỹ DCDS để ký quỹ thực hiện các giao

dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán;

4. Quỹ DCDS được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

3.7 Phương pháp lựa chọn

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu

Trong quy trình đầu tư vào các khoản chứng khoán vốn, Quỹ DCDS sẽ lựa chọn phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư. Một khi các cổ phiếu đã được lựa chọn đầu tư, quỹ sẽ tiếp tục tích cực theo dõi và năng động trong quản lý danh mục với mục tiêu quản trị rủi ro và khả năng sinh lợi của các khoản đầu tư;

Công ty quản lý quỹ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên (bottom up) làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư cổ phiếu, Quỹ sẽ tiến hành thẩm định theo tuần tự (i) mô hình kinh doanh, loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp, tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận, sức mạnh cũng như sự ổn định tài chính, giá trị tài sản, dự báo dòng tiền và chất lượng quản trị (ii) tình hình chung của ngành bao gồm tình hình cạnh tranh, thị phần, tiềm năng tăng trưởng (iii) những thay đổi của các chỉ báo kinh tế và chu kỳ kinh tế, những ảnh hưởng của chính sách tài khóa và tiền tệ lên tổng sản phẩm quốc nội, lãi suất, lạm phát...

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ

Căn cứ vào các đánh giá, nghiên cứu cơ bản kinh tế vĩ mô, xu hướng lãi suất trong từng giai đoạn, Quỹ sẽ thực hiện chiến lược phân bổ tài sản danh mục chứng khoán nợ cho phù hợp với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý. Các mô hình kỹ thuật thống kê sẽ được áp dụng nhằm hỗ trợ công ty Quản lý Quỹ đưa ra các quyết định đầu tư hợp lý trong thời gian nhanh nhất;

Với các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn chứng quyền cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, Quỹ đầu tư sẽ thực hiện các phân tích cơ bản đối với tổ chức phát hành, và áp dụng mô hình định mức tín nhiệm phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro nhưng không bỏ lỡ cơ hội gia tăng giá trị cho danh mục.

4. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào một quỹ sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một ngân hàng giám sát hay bất kỳ tổ chức nào, về việc quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra;

Đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoản thời gian dài. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này;

Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ DCDS và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào quỹ.

4.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà quỹ đầu tư có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Điều này sẽ tác động đến hiệu quả của các khoản đầu tư của Quỹ DCDS. Rủi ro này thuộc rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên, rủi ro này được giảm thiểu với cơ chế cắt lỗ trước khi thị trường giảm quá sâu.

4.2 Rủi ro tính thanh khoản của thị trường

Một trong những rủi ro của Quỹ DCDS là khả năng khi Quỹ có yêu cầu thanh lý tài sản đầu tư, hiệu quả của việc thanh toán các khoản đầu tư giảm do tính thanh khoản của các tài sản đầu tư thấp, do đó làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của Quỹ. Để hạn chế rủi ro này, Quỹ đầu tư DCDS tập trung đầu tư vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh tốt, có quy mô vốn lớn và vừa, có tính thanh khoản thị trường cao.

4.3 Rủi ro về lãi suất thị trường

Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của quỹ như: trái phiếu công ty, trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu ưu đãi cố tức... sẽ bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Công ty quản lý quỹ do đó sẽ áp dụng các phương pháp đánh giá điều kiện kinh tế vĩ mô và xu hướng vận động của thị trường trái phiếu trong từng giai đoạn để đưa ra các quyết định phân bổ tài sản phù hợp.

4.4 Rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác

Rủi ro này liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán của các loại chứng khoán nợ bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc.

Tại Việt Nam hiện nay việc đánh giá hạn mức tín nhiệm của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế vẫn còn hạn chế và mới chỉ thực hiện ở các tổ chức lớn, do các tổ chức trung gian của nước ngoài thực hiện. Do vậy, để hạn chế rủi ro này, ngoài việc áp dụng danh mục đầu tư đa dạng hóa, danh mục chứng khoán nợ của Quỹ DCDS sẽ chủ yếu tập trung đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu chính phủ, hoặc trái phiếu của doanh nghiệp nhưng được đánh giá hạn mức tín nhiệm bởi một tổ chức có uy tín của nước ngoài. Đối với các khoản tiền gửi ngắn hạn hưởng lãi suất hoặc các giao dịch mua bán lại (repo), Quỹ DCDS có những cơ chế chọn lọc đối tác có tiềm lực tài chính vững mạnh và có uy tín lớn để thực hiện giao dịch mua bán lại nhằm hạn chế tối đa rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác.

4.5 Rủi ro pháp lý

Từ khi Việt Nam chính thức phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường vào đầu thập niên 90, Chính phủ đã và đang hoàn thiện dần khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các hoạt động liên quan đến chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán và thị trường chứng khoán được Chính phủ điều chỉnh trong các văn bản pháp lý ban hành vào năm 1998. Năm 2006, trước sự bùng nổ của thị trường chứng khoán và việc gia nhập WTO của Việt Nam, nhiều văn bản pháp lý về thị trường chứng khoán đã được Chính phủ ban hành như Luật chứng khoán, các nghị định hướng dẫn, quy chế hoạt động... Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính Phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và Trung tâm lưu ký Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ DCDS trong tương lai.

4.6 Rủi ro rút vốn

Hoạt động theo Quy chế Quỹ mở, Nhà đầu tư có thể rút vốn theo nhu cầu thông qua lệnh bán Chứng chỉ Quỹ DCDS, Tuy nhiên, khi tất cả các nhà đầu tư muốn rút một lượng tiền lớn so với quy định pháp luật về tỷ lệ rút vốn tối đa và so với quy mô thanh khoản của thị trường, việc chuyển đổi tỷ lệ lớn giá trị của Quỹ thành tiền mặt trong thời gian ngắn có thể dẫn đến giá trị tài sản đầu tư của quỹ giảm mạnh và ảnh hưởng đến giá trị thực tế nhà đầu tư được nhận. Do đó, nhu cầu rút vốn của nhà đầu tư có thể sẽ chỉ được đáp ứng một phần hoặc trong thời gian chậm hơn theo quy định.

Trong một số trường hợp bất khả kháng, nhà đầu tư có thể không được thực hiện lệnh bán Chứng chỉ Quỹ DCDS trong thời gian chứng chỉ Quỹ được thông báo tạm ngừng giao dịch.

Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán trong các trường hợp được quy định tại Chương X mục 7 – “thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ” trong cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ tại Bản cáo bạch này.

Khi việc thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên, Công ty quản lý Quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực hiện bán cho nhà đầu tư.

4.7 Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty quản lý quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do công ty quản lý quỹ điều hành. Rủi ro này thuộc dạng rủi ro không hệ thống, có thể kiểm soát được bằng cách thiết lập “tường lửa thông tin” nội bộ (Chinese Wall) nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xung đột lợi ích giữa các quỹ đầu tư và sản phẩm tài chính đang được quản lý bởi công ty quản lý quỹ.

4.8 Thuế

Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán chứng chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo Quy định của Pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ DCDS.

V. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

1. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư cần tiến hành các thủ tục và hồ sơ liên quan đến thủ tục mở tài khoản tại các Đại lý phân phối chỉ định trước khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mở:

a. Đơn đăng ký mở tài khoản:

Nhà đầu tư thực hiện việc mua chứng chỉ quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ thông tin vào Phiếu Đăng Ký Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở (Phiếu Đăng Ký). Phiếu Đăng Ký được cung cấp tại các Đại lý phân phối chỉ định của Quỹ và tại Công ty DCVFM. Phiếu Đăng Ký phải kèm theo bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Phiếu Đăng Ký. Nhà đầu tư nên lưu lại một bản Phiếu Đăng Ký và cập nhật cho các Đại lý phân phối các thông tin cung cấp trong Phiếu Đăng Ký mỗi khi có sự thay đổi. Thông tin này sẽ được lưu giữ trong Sổ Đăng Ký của Quỹ.

Nhà đầu tư có thể mở nhiều tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau để giao dịch chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư cần nộp Phiếu Đăng Ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại lý phân phối mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau của cùng một nhà đầu tư được quản lý độc lập. Do đó, Lệnh Mua lần đầu tối thiểu cũng như số dư tài khoản tối thiểu được áp dụng cho từng Đại lý phân phối.

b. Xử Lý Phiếu Đăng Ký/ Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ Mở:

Nhà đầu tư có thể nộp Phiếu Đăng Ký hoặc Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ Mở (Lệnh Mua) sau khi điền đầy đủ các thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu tại các Đại lý phân phối của Quỹ. Danh sách các Đại lý phân phối của Quỹ được cập nhật tại Phụ lục 1 của Bản Cáo Bạch.

Các Đại lý phân phối sẽ tập hợp các hồ sơ này và chuyển thông tin này cho Đại lý chuyển nhượng để tiến hành xử lý hồ sơ. Các hồ sơ không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối. Công ty quản lý quỹ được quyền Từ chối thực hiện các hồ sơ này của Nhà đầu tư trong trường hợp không tìm được cách giải quyết cho các vấn đề có thể phát sinh trong quá trình xử lý Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua.

c. Tuân Thủ:

Phiếu Đăng Ký và Lệnh Mua được soạn thảo để Công ty quản lý quỹ DCVFM có thể tuân thủ các quy định về Nhận Biết Khách Hàng ("KYC") và các quy định Phòng Chống Rửa Tiền ("AML"). Do đó các thông tin nhà đầu tư cung cấp liên quan đến Phiếu Đăng Ký và Lệnh Mua cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực.

Theo qui định của pháp luật Việt Nam, tất cả các nhà đầu tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà đầu tư nước ngoài có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định quốc tế. Các Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo yêu cầu có thể bị từ chối. Nhà đầu tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm pháp luật cũng như không vi phạm các điều khoản của các qui định về thuế thu nhập, quy định về AML, chống tham nhũng, chống hối lộ và/hoặc các luật áp dụng khác được ban hành bởi chính phủ Việt Nam hoặc chính phủ sở tại của nhà đầu tư tại các thời điểm khác nhau. Nhà đầu tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua chứng chỉ Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà Đầu Tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán.

Theo quy định hiện tại của Việt Nam, Nhà đầu tư nước ngoài cần mở một tài khoản đầu tư bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại ở Việt Nam và cần xin cấp mã giao dịch chứng khoán. Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản này. Nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

d. Chấp nhận Phiếu Đăng Ký/Lệnh giao dịch:

Phiếu Đăng ký/Lệnh giao dịch hợp lệ là phiếu theo mẫu quy định của Công ty quản lý quỹ DCVFM, được điền đầy đủ thông tin bắt buộc theo yêu cầu, không tẩy xóa, chỉnh sửa thông tin, và được gửi đến Đại lý phân phối trước thời điểm chốt sổ lệnh.

Đại lý phân phối có toàn quyền chấp nhận hay từ chối Phiếu Đăng Ký/Lệnh giao dịch căn cứ theo các điều khoản, quy định của Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các quy định về FATCA và AML.

Nhà đầu tư liên lạc với Đại lý phân phối nơi Nhà đầu tư đăng ký mở tài khoản giao dịch để được hướng dẫn cụ thể.

2. Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ

a. Thời gian giao dịch chứng chỉ quỹ

- Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ DCDS là hằng ngày, vào các ngày làm việc trong tuần, ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ 7 và/hoặc Chủ Nhật. Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nghỉ Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.
- Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

b. Thời điểm đóng sổ lệnh

- Là 14g30 phút ngày T-1, trong đó ngày T là ngày giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận Phiếu lệnh đặt mua/ bán/ chuyển đổi chứng chỉ quỹ và xác nhận tiền mua chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư/ người được nhà đầu tư ủy quyền đã được chuyển vào tài khoản của Quỹ để thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ;
- Nếu lệnh giao dịch đến sau thời điểm đóng sổ lệnh, thì lệnh giao dịch này sẽ bị huỷ vào ngày giao dịch đã đăng ký và có thể chuyển sang ngày giao dịch kế tiếp theo yêu cầu của nhà đầu tư;
- Trong trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày ngày nghỉ Lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các dịp Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.

c. Hủy lệnh giao dịch:

- Các lệnh giao dịch (mua, bán, chuyển đổi) có thể được huỷ trước Thời điểm đóng sổ lệnh, Việc thực hiện hủy lệnh sau Thời điểm đóng sổ lệnh được xem là không hợp lệ;
- Các lệnh giao dịch đã đăng ký trước đó không được huỷ một phần;
- Việc hủy lệnh phải được thực hiện tại các Đại lý Phân phối mà nhà đầu tư đã đăng ký giao dịch, và phải trước Thời điểm đóng sổ lệnh;
- Trong trường hợp nhà đầu tư huỷ lệnh Mua chứng chỉ quỹ sau khi đã chuyển số tiền đăng ký mua vào tài khoản Quỹ trước thời điểm đóng sổ lệnh, thì số tiền này sẽ được hoàn trả cho nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư cập nhật thông tin cho Đại Lý Phân Phối. Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán cho nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất có thể kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu của nhà đầu tư hoặc Đại lý phân phối nơi nhà đầu tư đăng ký thực hiện giao dịch. Các phí ngân hàng phát sinh từ việc hoàn trả lại tiền trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư chịu.

d. Thời hạn xác nhận giao dịch:

- Vào ngày giao dịch (ngày T), tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và cung cấp thông tin cho Đại lý phân phối để gửi nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch,

e. Thời hạn thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư:

- Trong vòng ba (03) ngày làm việc (T+3) kể từ ngày giao dịch giao dịch chứng chỉ quỹ, Quỹ DCDS sẽ thực hiện chuyển tiền mua lại chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trực tiếp từ tài khoản Quỹ đến tài khoản của nhà đầu tư sau khi có kết quả giao dịch chứng chỉ Quỹ.
- Đối với các khoản thanh toán bị trả về từ ngân hàng thụ hưởng, Nhà đầu tư sẽ chịu các khoản chi phí phát sinh liên quan việc sửa lệnh (nếu có) nếu do lỗi của Nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư sửa đổi, cập nhật thông tin tại Đại Lý Phân Phối. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư cập nhật thông tin cho Đại Lý Phân Phối. Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán cho Nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất có thể kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc Đại lý phân phối nơi nhà đầu tư đăng ký thực hiện giao dịch. Lưu ý rằng Quỹ sẽ không thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ bằng tiền mặt, vì vậy Nhà Đầu Tư có trách nhiệm đảm bảo các thông tin đã cung cấp cho Đại Lý Phân Phối là chính xác. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do nhà đầu tư chịu.

f. Chứng chỉ quỹ lẻ:

Chứng chỉ quỹ lẻ (dưới 2 đơn vị quỹ) được phát sinh từ một trong các nguyên nhân sau:

- Từ quá trình chuyển đổi hình thức quỹ từ dạng đóng sang dạng mở; hoặc
- Phát sinh khi lệnh bán chỉ được thực hiện một phần *theo quy định tại Chương V, mục 7*, của Bản cáo bạch; hoặc
- Phát sinh từ lệnh mua của nhà đầu tư.

3. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

- Giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ DCDS sẽ được xác định tại ngày giao dịch (ngày T) và giá trị tài sản ròng của Quỹ dùng để tính giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ DCDS sẽ được công bố đến nhà đầu tư trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ và theo các quy định về công bố thông tin.
- Giá giao dịch một đơn vị quỹ được xác định như sau:
 - Giá phát hành: là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ.
Giá phát hành này được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch sau khi chuyển đổi.
 - Giá mua lại: là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư.
Giá mua lại được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại.

4. Thực hiện giao dịch mua chứng chỉ quỹ

- Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch mua khi đã hoàn tất thủ tục mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ DCDS tại các Đại lý Phân phối chỉ định;
- Giá trị giao dịch của lệnh mua không được nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu là 100.000 (Một trăm nghìn) đồng.
- Lệnh giao dịch mua chứng chỉ quỹ mở phải được điền đầy đủ thông tin và được gửi đến Đại lý Phân phối chỉ định trước Thời điểm đóng sổ lệnh, và tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ đã được chuyển đến tài khoản của Quỹ DCDS tại Ngân hàng giám sát bằng tiền Việt Nam Đồng trước thời điểm đóng sổ lệnh;
- Để tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền, trong một số trường hợp đặc biệt, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát có thể yêu cầu nhà đầu tư cung cấp bổ sung thông tin trước khi ghi

nhận khoản tiền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư vào tài khoản của Quý, khoản tiền mua chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư thực hiện có thể được ghi nhận vào tài khoản của Quý sau thời điểm đóng sổ lệnh. Trong trường hợp này, Nhà đầu tư cần thực hiện đặt lệnh giao dịch mới để khớp lệnh cho phiên giao dịch tiếp theo của Quý hoặc yêu cầu công ty quản lý quỹ hoàn tiền về.

- Nhà đầu tư/người được nhà đầu tư uỷ quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ với nội dung chuyển khoản được công bố trên website của Dragon Capital Việt Nam tùy theo từng thời điểm;
- Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua của nhà đầu tư được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của nhà đầu tư được hưởng lợi;
- Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Đại lý phân phối chỉ định, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán. Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến Đại lý phân phối trong vòng 3 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh;
- Trong trường hợp tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hơn hoặc nhiều hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua, và không thấp hơn giá trị mua tối thiểu, thì số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sẽ căn cứ vào tổng số tiền thực tế đã được thanh toán. Nhà đầu tư mặc định ủy quyền cho Đại lý phân phối thực hiện điều chỉnh số tiền theo số tiền thực tế mà Nhà đầu tư nộp vào tài khoản để đáp ứng theo quy định này và xác nhận những điều chỉnh này trên hệ thống Đại lý chuyển nhượng;
- Trong trường hợp tổng giá trị đăng ký mua của nhà đầu tư dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản là một trăm (100) chứng chỉ quỹ, thì nhà đầu tư được nắm giữ chứng chỉ quỹ này được xem là chứng chỉ quỹ lẻ;
- Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành}(\%))}{\text{NAV của đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch}}$$

- Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy;
- Việc thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản của nhà đầu tư đến tài khoản của Quý DCDS tại Ngân hàng Giám sát bằng tiền Đồng Việt Nam.

5. Thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ

- Lệnh giao dịch bán chứng chỉ quỹ mở phải được điền đầy đủ thông tin và được gửi đến Đại lý Phân phối chỉ định trước Thời điểm đóng sổ lệnh;
- Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Đại lý phân phối chỉ định, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán. Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến Đại lý phân phối chỉ định trong vòng 3 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh;
- Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán không được thấp hơn hai (2) đơn vị quỹ.
- Trong trường hợp số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, thì nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký bán toàn bộ số chứng chỉ quỹ còn lại cùng lúc tại ngày giao dịch;
- Lệnh bán có thể không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Chương V, mục 7- “*thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ*” của Bản cáo bạch này;

- Số tiền bán chứng chỉ quỹ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị Bán được nhận} = \frac{\text{Số lượng CCQ được mua lại} \times \text{NAV của đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch} \times (1 - \text{Giá dịch vụ mua lại(\%)})$$

- Việc thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ được thực hiện theo quy định tại Mục 2, Điểm e, Chương V của Bản cáo bạch.
- Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do nhà đầu tư chịu;
- Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán áp dụng theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện giao dịch chuyển đổi các chứng chỉ quỹ mở

- Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các quỹ mở khi công ty quản lý có từ hai (02) quỹ mở trở lên và có cùng tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng và số tiền chuyển đổi quỹ sẽ phải đảm bảo mức tối thiểu của Quỹ mục tiêu;
- Việc thực hiện chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở được thực hiện theo nguyên tắc: ngày thanh toán tiền bán chuyển đổi của Quỹ sẽ là ngày thực hiện thanh toán tiền mua chuyển đổi cho phiên giao dịch gần nhất của Quỹ mục tiêu.
- Công ty quản lý quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến loại giao dịch này và thông tin cụ thể đến nhà đầu tư thông qua trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống đại lý phân phối.

7. Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:
 - a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc
 - b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh của nhà đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
 - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
 - c. Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
 - Tính thanh khoản của thị trường thấp;
 - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ DCDS bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
3. Đối với trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty quản lý quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ, cụ thể như sau:

- Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một ngày giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của nhà đầu tư theo quy định tại khoản (a) và (b) tại (1) nêu trên, Số lượng chứng chỉ quỹ được mua lại trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$X_i = SLDK_i * \frac{SLTT}{\sum SLDK_i}$$

Trong đó:

X_i: số lượng chứng chỉ quỹ thực tế của nhà đầu tư i được thực hiện (hay số lượng chứng chỉ quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy,

SLDK_i: số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đăng ký bán,

SLTT: tổng số lượng chứng chỉ quỹ mà công ty Quản lý quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của nhà đầu tư,

∑ SLDK_i: tổng số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán trong kỳ.

- Nếu nhà đầu tư muốn thực hiện tiếp các lệnh bán của mình thì nhà đầu tư tiến hành đăng ký giao dịch tại ngày giao dịch kế tiếp;
 - Các thông báo về phần lệnh được thực hiện hoặc khớp một phần hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi đến nhà đầu tư.
4. Chứng chỉ quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
- Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
- Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết;

Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ, Ủy ban chứng khoán nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm này và phải tiếp tục thực hiện mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi sự kiện này chấm dứt.

Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 5 điều này, công ty quản lý quỹ sẽ tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

8. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) chứng chỉ quỹ cho một cá nhân/tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch;
- Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu đăng ký và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho Đại lý phân phối trước Thời điểm chốt sổ lệnh của mỗi ngày giao dịch;
- Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng không phải thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại cho Công ty Quản lý Quỹ;
- Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

9. Người được ủy quyền từ nhà đầu tư

- Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho một cá nhân khác thực hiện đặt các lệnh giao dịch mua/bán/chuyển đổi/huỷ giao dịch Chứng chỉ Quỹ DCDS;
- Người được ủy quyền để đại diện giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại Thông tư 51/2021/TT-BTC về việc ban hành quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Nhà đầu tư phải điền thông tin người được ủy quyền vào Giấy đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ DCDS về việc ủy quyền cho người thứ hai thực hiện các quyền và nghĩa vụ, và nộp đầy đủ các giấy tờ, hồ sơ theo yêu cầu. Thông tin người được ủy quyền sẽ không được thay đổi cho đến khi nhà đầu tư đăng ký lại người được ủy quyền tại các Đại lý phân phối.

10. Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ DCDS

- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức hoặc người được ủy quyền thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ DCDS bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Quỹ DCDS trước thời điểm chốt sổ lệnh;
- Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua của nhà đầu tư được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của nhà đầu tư được hưởng lợi.
- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài theo định nghĩa trong Thông tư 51/2021/TT-BTC của Bộ Tài Chính và Thông tư số 05/2014/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước phải thực hiện chuyển khoản từ chính "tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (FIICA) của nhà đầu tư vào tài khoản của Quỹ DCDS đối với việc đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ DCDS. Nhà đầu tư nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn, mua cổ phần (FIICA) cho Đại lý Phân phối tại thời điểm đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở;
- Việc chuyển khoản mua Chứng chỉ Quỹ DCDS được chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng nào khác ngoài "tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (FIICA) sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ. Nhà đầu tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản mua Chứng chỉ Quỹ DCDS không được chuyển khoản từ " tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (FIICA) theo quy định của pháp luật.

11. Các trường hợp giao dịch không hợp lệ

Những trường hợp sau đây được xem là giao dịch không hợp lệ:

11.1 Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ

- a. Nhà đầu tư/người được ủy quyền hợp pháp thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ sau thời điểm đóng sổ lệnh;
- b. Các lệnh đặt mua chứng chỉ quỹ mở đến sau thời gian đóng sổ lệnh;
- c. Nhà đầu tư/người được ủy quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ với nội dung chuyển khoản ngân hàng không chính xác như hướng dẫn chuyển tiền của DCVFM;
- d. Nhà đầu tư/người được ủy quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ mà không ghi phiếu đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý Phân phối;
- e. Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền đăng ký mua tối thiểu là 100.000 (Một trăm nghìn) đồng

Công ty quản lý Quỹ sẽ chỉ thị ngân hàng giám sát chuyển trả lại số tiền này dựa trên đơn mở tài khoản của nhà đầu tư tại Đại lý phân phối hoặc Công ty quản lý quỹ đối với các giao dịch không hợp lệ thuộc mục e. Với các trường hợp khác không thuộc mục e, nhà đầu tư có thể chọn lựa giữ lại lệnh mua và chuyển lệnh sang kỳ giao dịch kế tiếp bằng cách thông báo cho Công ty quản lý Quỹ.

Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch không hợp lệ này sẽ do nhà đầu tư chịu. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư cập nhật thông tin cho Đại lý Phân Phối. Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán cho Nhà đầu tư trong thời

gian sớm nhất có thể kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc Đại lý phân phối nơi nhà đầu tư đăng ký thực hiện giao dịch.

11.2 Các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ

- Số lượng chứng chỉ quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đang sở hữu;
- Các lệnh đặt bán chứng chỉ quỹ mở đến sau thời gian chốt sổ lệnh;
- Số lượng đặt bán dẫn đến số lượng chứng chỉ Quỹ còn lại trong tài khoản lớn hơn không (0) nhưng thấp hơn mức sở hữu tối thiểu quy định, ngoại trừ các giao dịch chứng chỉ quỹ lẻ được quy định tại mục 1, Điểm f Chương V của Bản cáo bạch này;
- Lệnh bán được thực hiện sau thời điểm đóng sổ lệnh của Quỹ.

12. Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ iSAVING

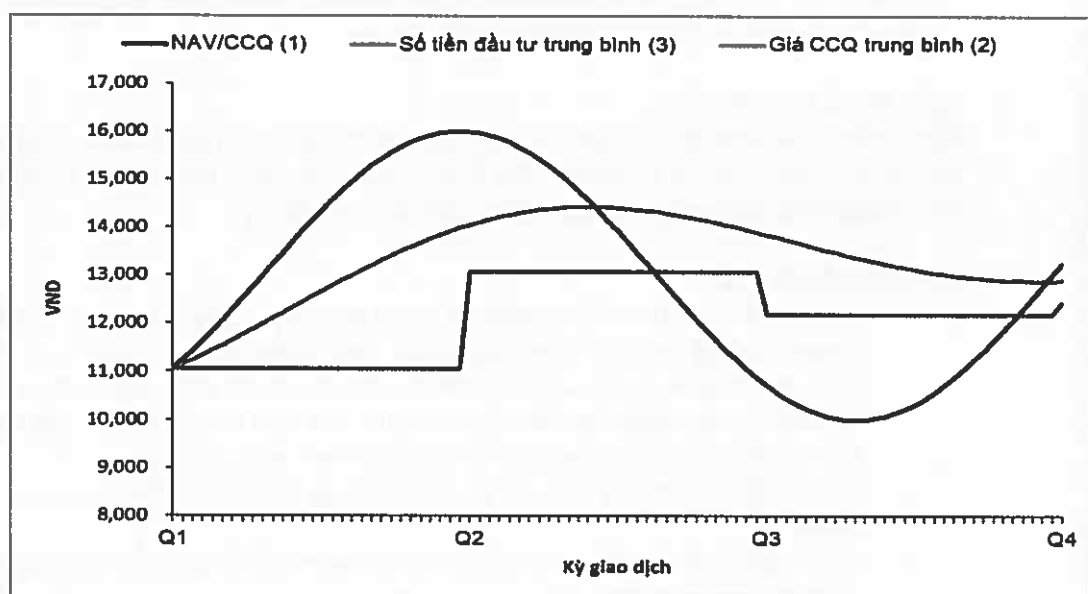
12.1 Tổng quan:

Chương trình Đầu tư định kỳ (iSAVING) là phương thức đầu tư thông minh có hệ thống, giúp nhà đầu tư tích lũy một số tiền lớn tại một thời điểm xác định trong tương lai thông qua việc mua chứng chỉ quỹ một cách đều đặn và kỷ luật với một khoản tiền theo định kỳ.

Đầu tư chứng chỉ quỹ theo phương thức iSAVING giúp nhà đầu tư có được lợi ích về chi phí đầu tư thông qua nguyên tắc bình quân giá. Nhà đầu tư định kỳ mua vào các chứng chỉ quỹ với một khoản chi phí đầu tư cố định sẽ mua được số lượng chứng chỉ quỹ nhiều hơn hay ít hơn tùy theo giá của chứng chỉ quỹ tại thời điểm mua. Theo thời gian, khi tính bình quân lại các lần đầu tư, chi phí đầu tư trung bình trên mỗi đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ qua phương thức iSAVING thường thấp hơn giá trung bình của các đơn vị chứng chỉ quỹ, từ đó tạo ra lợi ích về chi phí cho nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, đầu tư theo phương thức iSAVING cũng dựa vào nguyên tắc lãi sinh lãi (hay còn gọi là lãi kép) khi giá trị các đơn vị chứng chỉ quỹ tăng trưởng và được cộng dồn vào giá trị gốc theo thời gian để tiếp tục sản sinh ra mức lợi nhuận cao hơn. Nhà đầu tư bắt đầu càng sớm với iSAVING thì càng có cơ hội đạt được lợi suất đầu tư lớn hơn trong tương lai.

Minh họa nguyên tắc bình quân giá của chương trình iSAVING



Ghi chú:

- NAV trên mỗi chứng chỉ quỹ trong mỗi kỳ giao dịch.
- Giá trung bình của chứng chỉ quỹ nếu nhà đầu tư mua số lượng chứng chỉ quỹ cố định cho mỗi kỳ giao dịch.
- Số tiền đầu tư trung bình trên mỗi chứng chỉ quỹ nếu đầu tư một khoản định kỳ tại giá NAV của ngày giao dịch.

12.2 Thủ tục tham gia chương trình:

Để tham gia chương trình iSAVING, nhà đầu tư cần thực hiện đầy đủ các bước sau:

1. Đăng ký tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở với DCVFM.
2. Điền phiếu Lệnh Mua và gửi về công ty DCVFM hoặc truy cập vào ứng dụng giao dịch trực tuyến của DCVFM và đặt Lệnh Mua iSAVING cho kỳ giao dịch đầu tiên. Lệnh Mua sẽ tự sinh cho các kỳ giao dịch tiếp theo, nhà đầu tư không phải đặt lại lệnh.
3. Chuyển khoản tiền đầu tư định kỳ vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát

Nhà đầu tư đã có tài khoản giao dịch tại DCVFM chỉ cần thực hiện từ bước 2 trở đi.

12.3 Cách thức hoạt động

- a. **Lệnh Mua:** sau khi nhận được Lệnh Mua từ nhà đầu tư và xác nhận tiền đã vào tài khoản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, hệ thống của DCVFM sẽ thực hiện mua chứng chỉ quỹ vào ngày giao dịch gần nhất. Sau kỳ giao dịch đầu tiên, hệ thống sẽ tự sinh một (01) lệnh Mua cho mỗi tháng tiếp theo, nhà đầu tư chỉ cần chuyển khoản tiền đầu tư iSAVING, lệnh Mua sẽ khớp theo số số tiền mà tài khoản của Quỹ nhận được từ nhà đầu tư.
- b. **Lệnh Bán:** Nhà đầu tư điền vào Phiếu Bán iSAVING và gửi về DCVFM hoặc thao tác Lệnh Bán trên ứng dụng giao dịch trực tuyến. Lệnh Bán sẽ được thực hiện theo nguyên tắc FIFO vào ngày giao dịch gần nhất sau khi hệ thống của DCVFM nhận được yêu cầu bán.
- c. **Hủy lệnh định kỳ:** Nhà đầu tư không còn nhu cầu đầu tư iSAVING có thể chấm dứt chương trình bằng cách điền phiếu Yêu cầu Hủy lệnh định kỳ và gửi về DCVFM hoặc thao tác Hủy lệnh định kỳ trên ứng dụng giao dịch trực tuyến. Hệ thống sẽ không tiếp tục sinh lệnh sau khi nhận được yêu cầu Hủy. Sau khi hủy lệnh định kỳ, số chứng chỉ quỹ tích lũy được thông qua iSAVING vẫn tồn tại trong tài khoản nhà đầu tư và được áp dụng phí bán của chương trình iSAVING khi nhà đầu tư bán số chứng chỉ quỹ này.
- d. **Ngày giao dịch (ngày T)**
Ngày giao dịch iSAVING là ngày giao dịch gần nhất sau ngày DCVFM/Quỹ nhận được Lệnh Mua và tiền đầu tư định kỳ hoặc Lệnh Bán từ nhà đầu tư.
- e. **Ngày thanh toán định kỳ**
Ngày thanh toán định kỳ của iSAVING là ngày nhà đầu tư thực hiện chuyển khoản tiền đầu tư định kỳ vào tài khoản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát. Ngày thanh toán có thể là bất kỳ ngày làm việc nào trong tháng và trước ngày giao dịch cuối cùng của tháng.
- f. **Hình thức thanh toán**
 - Việc thanh toán tiền đầu tư định kỳ được thực hiện theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát; hoặc thanh toán tự động trích từ tài khoản ngân hàng đã đăng ký trước của nhà đầu tư đến tài khoản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát. Nhà đầu tư nên làm việc với ngân hàng nơi nhà đầu tư có tài khoản để thực hiện các lệnh chờ thanh toán với một số tiền và tần suất thanh toán cố định.
 - Giao dịch mua chứng chỉ quỹ sẽ không được thực hiện đối với những kỳ không được thanh toán.
 - Do cơ chế lệnh Mua tự sinh mỗi tháng, trường hợp nhà đầu tư thanh toán tiền đầu tư định kỳ nhiều hơn một lần trong tháng thì hệ thống sẽ ưu tiên khớp lệnh mua cho số tiền mà Quỹ nhận được đầu tiên theo thứ tự thời gian. Các khoản tiền còn lại sẽ được tự động chuyển sang kỳ giao dịch đầu tiên của các tháng gần nhất kế tiếp.
- g. **Tiền đầu tư định kỳ iSAVING**
 - Số tiền tối thiểu để tham gia đầu tư iSAVING là 100 ngàn đồng/kỳ thanh toán.

- Trường hợp số tiền thanh toán định kỳ của nhà đầu tư ít hơn số tiền tối thiểu thì DCVFM sẽ phối hợp với Ngân Hàng Giám Sát để hoàn trả lại (vào ngày T+3) cho nhà đầu tư số tiền đã nộp, phí chuyển tiền do nhà đầu tư chịu. Nhà đầu tư xem như không thực hiện thanh toán cho kỳ giao dịch này do số tiền thanh toán định kỳ không hợp lệ.

12.4 Giá dịch vụ áp dụng

Giá dịch vụ phát hành không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

Giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ

VI. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN KHÁC

1. Thông tin chung về Công ty quản lý quỹ DCVFM

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam được thành lập dựa trên sự hợp tác toàn diện giữa hai tổ chức tài chính hàng đầu Việt Nam là Dragon Capital Group và Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam (VFM).

Với bề dày hơn 25 năm hoạt động tại Việt Nam, Dragon Capital Việt Nam là công ty quản lý quỹ có lịch sử hoạt động lâu đời nhất và đồng hành cùng những mốc son lịch sử của nền kinh tế Việt Nam.

Tổng quy mô tài sản mà Dragon Capital Group đang quản lý tính đến ngày 31/12/2020 là hơn 77,000 tỷ đồng (gần 4 tỷ Đô La).

Công ty có rõ sản phẩm và dịch vụ đa dạng nhất trên thị trường như quỹ đầu tư cổ phiếu, quỹ đầu tư trái phiếu, quỹ ETF, quỹ trái phiếu thu nhập cố định, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư,... có thể đáp ứng các nhu cầu khác nhau của nhà đầu tư trong nước và quốc tế dù ở là phân khúc cá nhân hay tổ chức.

Các cổ đông của công ty Quản lý Quỹ góp vốn khi thành lập năm 2003:

Tên cổ đông	Giá trị góp vốn pháp định theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	5,600,000,000	70.00%
Dragon Capital Management Limited	2,400,000,000	30.00%
	8,000,000,000	100.00%

Các cổ đông của công ty Quản lý Quỹ sở hữu từ 5% trở lên vốn điều lệ tại 30/12/2020:

Tên cổ đông	Giá trị góp vốn theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
Dragon Capital Management (HK) Limited	107,135,190,000	49.88%
Dragon Capital Markets (Europe) Limited	101,336,840,000	47.18%
Khác	6,300,000,000	2.94%
	214,772,030,000	100.00%

1.1 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty DCVFM

- Ông Dominic Scriven Chủ tịch
- Ông Trần Thanh Tân Phó Chủ tịch HĐQT

- Ông Lê Anh Minh Thành viên HĐQT
- Ông Beat Schurch Thành viên HĐQT
- Ông Johan Nyvene Thành viên HĐQT

Chi tiết của các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty DCVFM được trình bày ở website Công ty DCVFM tại địa chỉ www.dcvfm.com.vn.

1.2 Giới thiệu về cơ cấu Ban điều hành Công ty quản lý quỹ DCVFM

- Ông Beat Schurch Tổng Giám Đốc, người đại diện Pháp Luật.

Chi tiết của các thành viên trong Ban điều hành của Công ty DCVFM được trình bày ở website Công ty DCVFM tại địa chỉ www.dcvfm.com.vn

1.3 Giới thiệu Ban điều hành Quỹ DCDS

- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Người điều hành Quỹ DCDS
- Ông Trần Lê Minh Người điều hành Quỹ, kiêm Kinh tế gia trưởng

1.4 Tình hình hoạt động của Công ty DCVFM

Năm	Doanh thu (VND)	Lợi nhuận (VND)
2016	34.023.684.228	585.439.355
2017	50.533.240.186	14.286.116.321
2018	128.754.428.021	44.836.512.858
2019	92.291.195.197	5.516.891.736
2020	90.571.658.131	24.284.283.496

Các thông tin về hoạt động trong quá khứ của công ty quản lý quỹ, không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty quản lý quỹ trong tương lai.

Các quỹ do công ty DCVFM đang quản lý:

- Quỹ đầu tư Chứng Khoán Năng Động DC (DCDS)
- Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng Đầu DC (DCBC)
- Quỹ đầu tư Trái phiếu DC (DCBS)
- Quỹ đầu tư Trái phiếu gia tăng thu nhập cố định DC (DCIP)
- Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF)
- Quỹ ETF DCVFMVN30
- Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND

Chi tiết về các quỹ có thể tham khảo tại mục Sản Phẩm trang thông tin điện tử www.dcvfm.com.vn

- Dịch vụ quản lý danh mục đầu tư:

Đây là dịch vụ tài chính đặc thù được triển khai từ năm 2008 nhằm phục vụ cho nhu cầu đầu tư riêng biệt của từng khách hàng khác nhau. Với kinh nghiệm quản lý quỹ lâu năm tại thị trường Việt Nam, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư của công ty DCVFM sẽ thay mặt khách hàng thực hiện các mục tiêu đầu tư theo từng nhu cầu riêng biệt. Trong đó, công ty DCVFM được ủy thác đầu tư và quản lý tài sản của khách hàng, như thế sẽ giúp cho khách hàng có nhiều thời gian tập trung vào hoạt động kinh doanh chính của mình hơn. Khi tham gia dịch vụ này, tùy vào mức độ chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư, đội ngũ quản lý năng động của chúng tôi sẽ tư vấn và đề ra kế hoạch triển khai cụ thể dựa trên mục tiêu đầu tư là tối đa hóa lợi nhuận hay

tìm kiếm thu nhập ổn định, lâu dài. Đối tượng khách hàng được tập trung bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân có số vốn lớn và các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.

Các thông tin về hoạt động của Công ty quản lý quỹ DCVFM trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai.

2. Ngân Hàng Giám Sát

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Văn phòng chính: P1810 đến P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3936 8000, Fax: (84-4) 3248 4355

Là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của ngân hàng giám sát theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

3. Công ty Kiểm Toán

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ đề xuất ít nhất 02 Công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn, Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ DCDS, để đảm bảo tính chính xác các số liệu báo cáo cho Nhà đầu tư.

Công ty kiểm toán dự kiến của Quỹ DCDS sẽ là Công ty Kiểm toán Ernst & Young hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty PriceWaterHouse Cooper (PwC).

4. Tổ chức được ủy quyền

a. Tổ chức ủy quyền cho hoạt động: Dịch vụ quản trị Quỹ

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Văn phòng chính: P1810 đến P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6 Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3936 8000, Fax: (84-4) 3248 4355

Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

b. Tổ chức ủy quyền cho hoạt động: Đại lý chuyển nhượng

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VSD)

Địa chỉ: Số 112 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: + 84 24 39747123 Fax: + 84 4 39747120

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối thông qua các tổ chức được chỉ định và được liệt kê tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này,

VIII. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

1. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

- Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ do Tổ chức được công ty quản lý quỹ ủy quyền lập và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ, Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua

hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận, Trường hợp bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ;

- Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được xác định hằng ngày vào các ngày làm việc và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của ngân hàng lưu ký, giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới;
- Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác;
- Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá, và được lấy đến 2 số thập phân, Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ sẽ được hạch toán vào quỹ, Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

2. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

a. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định hằng ngày vào các ngày làm việc và mỗi tháng. Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ, Trường hợp công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện.

b. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản do Quỹ DCDS sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ lưu ký, phí hành chính, giá dịch vụ định giá,...) tại ngày gần nhất trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1,	Tiền (VND)	Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá,
2,	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá,
3,	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá,
4,	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá,
Trái phiếu		
5,	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân gia quyền cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác,

		<p>tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc • chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán với giá có nhiều biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá <p>thì giá trái phiếu thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quý phê duyệt.</p>
6,	Trái phiếu không niêm yết	<p>- Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quý phê duyệt cộng lãi lũy kế. Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, thì giá trái phiếu thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quý phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá trung bình của hai (02) tổ chức báo giá cộng lãi lũy kế; • Giá mua cộng lãi lũy kế;
7,	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	- Phương pháp đã được BDD quý chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
8,	Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	- Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quý chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
9,	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán. Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<p>- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quý chấp thuận <p>- Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>- Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ</p>

		phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết.
10,	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; - Mệnh giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận,
11,	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: -80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; -Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể,
12	Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)	- Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá (của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: + Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quỹ phê duyệt; + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được BDD quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ Quỹ		
13	Chứng Chỉ Quỹ	Giá trị tài sản ròng đơn vị quỹ tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá
Chứng khoán phái sinh		
13,	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá thanh toán cuối ngày theo quy định hoặc tên gọi khác được yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trong trường hợp không có giá thanh toán cuối ngày hoặc không có giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán gần nhất trước ngày định giá, giá sẽ được xác định theo Phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

14,	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể,
15,	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết tại điểm c Điều này,
16,	Các tài sản được phép đầu tư khác	Tùy theo từng trường hợp cụ thể, giá của các tài sản sẽ được xác định một cách phù hợp theo một trong các phương pháp sau đây: Giá trị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp; hoặc Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú 1: Các thuật ngữ chung

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất tới ngày trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.

Ghi chú 2.1:

2.1.1 Trái phiếu Chính phủ:

- Quy định về các trường hợp giá thị trường có biến động lớn đối với trái phiếu chính phủ niêm yết: Giá yết (giá sạch) tính theo phương pháp bình quân gia quyền có biến động quá 1,0% so với giá mua;
- Trường hợp trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên tính tới ngày định giá sẽ quy về trường hợp định giá cho trái phiếu không niêm yết.
- Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do gần đến ngày đáo hạn thì sử dụng phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế. Các trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do khác sẽ quy về trường hợp định giá cho trái phiếu không niêm yết.

2.1.2 Trái phiếu doanh nghiệp

- Trường hợp giá yết (giá sạch) tính theo phương pháp bình quân gia quyền có biến động quá 0,5% so với giá mua thì sử dụng giá mua cộng lãi lũy kế;
- Trường hợp trái phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên tính đến ngày định giá sẽ quy về trường hợp định giá cho trái phiếu không niêm yết.
- Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do gần đến ngày đáo hạn thì sử dụng phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế. Các trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do khác sẽ quy về trường hợp định giá cho trái phiếu không niêm yết.

Ghi chú 3: Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

IX. GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

1. Các loại phí, giá dịch vụ do nhà đầu tư trả

1.1 Giá dịch vụ phát hành tại các lần giao dịch

- Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư trả cho công ty quản lý quỹ khi mua một đơn vị Quỹ DCDS, Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) Chứng chỉ Quỹ DCDS.
- Giá dịch vụ phát hành không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.
- Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định dẫn đến sự thay đổi giá phát hành trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật, Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho nhà đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.

1.2 Giá dịch vụ mua lại

- Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả cho công ty quản lý quỹ khi bán một đơn vị quỹ tại mỗi ngày giao dịch, Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.
- Giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ
- Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ được xác định theo nguyên tắc "mua trước bán trước" (FIFO);
- Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ mua lại trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật, Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho nhà đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.

1.3 Giá dịch vụ chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý

- Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi.
- Giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức phí giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác

Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ chuyển đổi trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật, Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho nhà đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.

2. Các loại phí, giá dịch vụ do Quỹ trả

2.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ thường niên

- Giá dịch vụ quản lý tối đa là 2% NAV/năm, Giá dịch vụ này được trả cho Công ty quản lý quỹ DCVFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ DCDS, Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý sẽ được Công ty quản lý quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng giá dịch vụ quản lý quỹ và các phí khác mà Quỹ chi trả cho công ty quản lý quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo mức phí áp dụng khi có sự thay đổi với Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng giám sát, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ.
- Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;
- Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản lý được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

2.2 Giá dịch vụ giám sát và lưu ký

- Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ, Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;
- Giá dịch vụ giám sát tối đa là 0,04% NAV/năm, giá dịch vụ tối thiểu áp dụng trong mọi trường hợp 23 triệu đồng mỗi tháng (*chưa bao gồm thuế GTGT(nếu có)*);
- Giá dịch vụ lưu ký tối đa là 0,06% NAV/năm, giá dịch vụ tối thiểu áp dụng trong mọi trường hợp là 22 triệu đồng mỗi tháng, Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100,000 đồng/giao dịch, nhưng không quá 0,05% NAV/năm tính trên bình quân NAV tại các kỳ định giá trong tháng và được điều chỉnh hàng tháng;
- Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v...;
- Tổng giá dịch vụ Giám sát, lưu ký tối đa đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật;
- Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;
- Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ giám sát, lưu ký được xác định như sau:
- Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]
- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

2.3 Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ

- Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ DCDS trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ;
- Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,025% NAV/năm và được chi trả hàng tháng Giá dịch vụ tối thiểu áp dụng trong mọi trường hợp là 5 triệu đồng mỗi tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có));
- Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;
- Công thức tính giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ được xác định như sau:

Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

2.4 Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng (Transfer Agency - TA)

- Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá dịch vụ do Quỹ DCDS chi trả hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ, Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm:
 - Giá dịch vụ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10 triệu đồng/ tháng và được trả hàng quý;
Công thức tính giá dịch vụ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau :
Giá dịch vụ duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = 10 triệu/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá;
 - Giá dịch vụ đăng ký mua mới, mua lại, chuyển đổi là 0,01% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi và được trả hàng tháng.
- Các chi phí này sẽ được tổng hợp và trả hàng quý;
- Tổng giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng không quá 0,03% NAV/ năm, tính trên bình quân NAV tại các kỳ định giá trong tháng và được điều chỉnh hàng tháng;
- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

Các loại giá dịch vụ trên đều chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2.5 Các loại phí và lệ phí khác

Là các chi phí sau thuế do Quỹ DCDS chi trả, bao gồm:

1. Chi phí quản lý tài sản phải trả cho Công ty quản lý quỹ;
2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng giám sát và lưu ký;
3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
4. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
5. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
6. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
7. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ;
8. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
9. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
10. Thù lao và chi phí công tác cho Ban đại diện Quỹ. Thành viên của Ban đại diện hoặc Thư ký Ban đại diện là nhân viên của DCVFM sẽ không nhận thù lao;
11. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;

12. Chi về bảo hiểm (nếu có);
13. Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
14. Thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
15. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật;
16. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật,

3. Các chỉ tiêu hoạt động

3.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ

Chi phí hoạt động của quỹ là các khoản chi phí sau thuế sau:

- a. Chi phí quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ;
- b. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho, Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát;
- c. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- d. Các chi phí khác bao gồm:
 - Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
 - Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện quỹ;
 - Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
 - Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ và tốc độ vòng quay danh mục của quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối sau khi được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác,

Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo}}$$

Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo là tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ tính tại các ngày định giá chia cho số ngày định giá chứng chỉ Quỹ trong kỳ báo cáo,

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau :

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

3.2 Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

Trong quá trình hoạt động, Quỹ sẽ phát sinh các chi phí liên quan đến giao dịch mua và bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán ("quay vòng"), Số lượng và giá trị các giao dịch mua/bán cổ phiếu càng lớn thì các chi phí liên quan đến giao dịch càng nhiều, do đó sẽ ảnh hưởng tới kết quả chung của Quỹ DCDS, Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ là chỉ tiêu phản ánh ảnh hưởng của hoạt động mua/bán trên tới kết quả của Quỹ đầu tư,

Chỉ tiêu Tốc độ vòng quay danh mục đầu tư của Quỹ DCDS được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau :

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\% \times 365}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ DCDS được công bố trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý 2 và Quý 4 hàng năm, trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối sau khi được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác,

Báo cáo chỉ tiêu hoạt động của Quỹ DCDS sẽ được Công ty DCVFM cập nhật định kỳ (nếu có sự thay đổi) đồng thời với việc thực hiện cập nhật Bản cáo bạch này,

X. DỰ BÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ

1. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô trong bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

2. Phân phối lợi nhuận

- Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ DCDS sẽ không phân phối lợi nhuận.
- Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

a. Công ty quản lý quỹ sẽ:

- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.
- b. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ sẽ được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
- c. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

XII. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ DCDS và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định; Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

- Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;
- Thông tư số 120/2020/TT-BTC quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 16 tháng 08 năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về hành nghề chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác,

XIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Công ty quản lý quỹ DCVFM sẽ chuẩn bị các báo cáo định kỳ của Công ty và của Quỹ DCDS. Các báo cáo này sẽ được Công ty quản lý quỹ DCVFM gửi đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo về hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty quản lý quỹ DCVFM sao gửi đến các thành viên Ban đại diện Quỹ DCDS và được cung cấp miễn phí trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ DCVFM và tại các hệ thống Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ do công ty chỉ định.

Báo cáo hoạt động quỹ được thực hiện như sau:

- Đối với báo cáo NAV: được công bố sau một (01) ngày kể từ ngày định giá (giao dịch chứng chỉ quỹ);
- Đối với các báo cáo hoạt động Quỹ sẽ được thực hiện định kỳ báo cáo tháng, quý và năm theo quy định của Luật.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM – DCVFM

Trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 3825 1488
- Fax: (028) 3825 1489

Chi nhánh văn phòng tại Hà Nội

- Địa chỉ: Tầng 24, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, F. Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3942 8168 Fax: (024) 3942 8169

Mọi thắc mắc sẽ được giải đáp tại tất cả các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ DCDS. Danh sách Đại lý phân phối được đính kèm trong Phụ lục 2 của Bản cáo bạch này.

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này,

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Danh sách các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ được lựa chọn.

Đại diện Cơ thẩm quyền của Ngân hàng giám sát



Bùi Thị Huyền Trang
Phó phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ



Đại diện công ty quản lý quỹ

BEAT SCHURCH
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂNG ĐỘNG DC (DCDS)

(áp dụng từ khi Quỹ DCDS được cấp giấy phép chuyển đổi từ UBCKNN đến khi có thông báo mới)

Chứng chỉ Quỹ Quỹ đầu Đầu tư Chứng Khoán Năng động DC (DCDS) được phân phối thông qua các đại lý chính thức sau:

1. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam – DCVFM
Số Tài khoản ngân hàng nộp tiền: **90183711704**
Trụ sở chính tại Tp Hồ Chí Minh
 - o Địa chỉ : Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP.HCM
 - o Điện thoại : (028) 3825 1488 Fax : (028) 3825 1489
2. Ngoài DCVFM, đại lý phân phối còn bao gồm các công ty trong danh sách Đại lý phân phối được cập nhật liên tục trên trang thông tin điện tử dcvfm.com.vn



